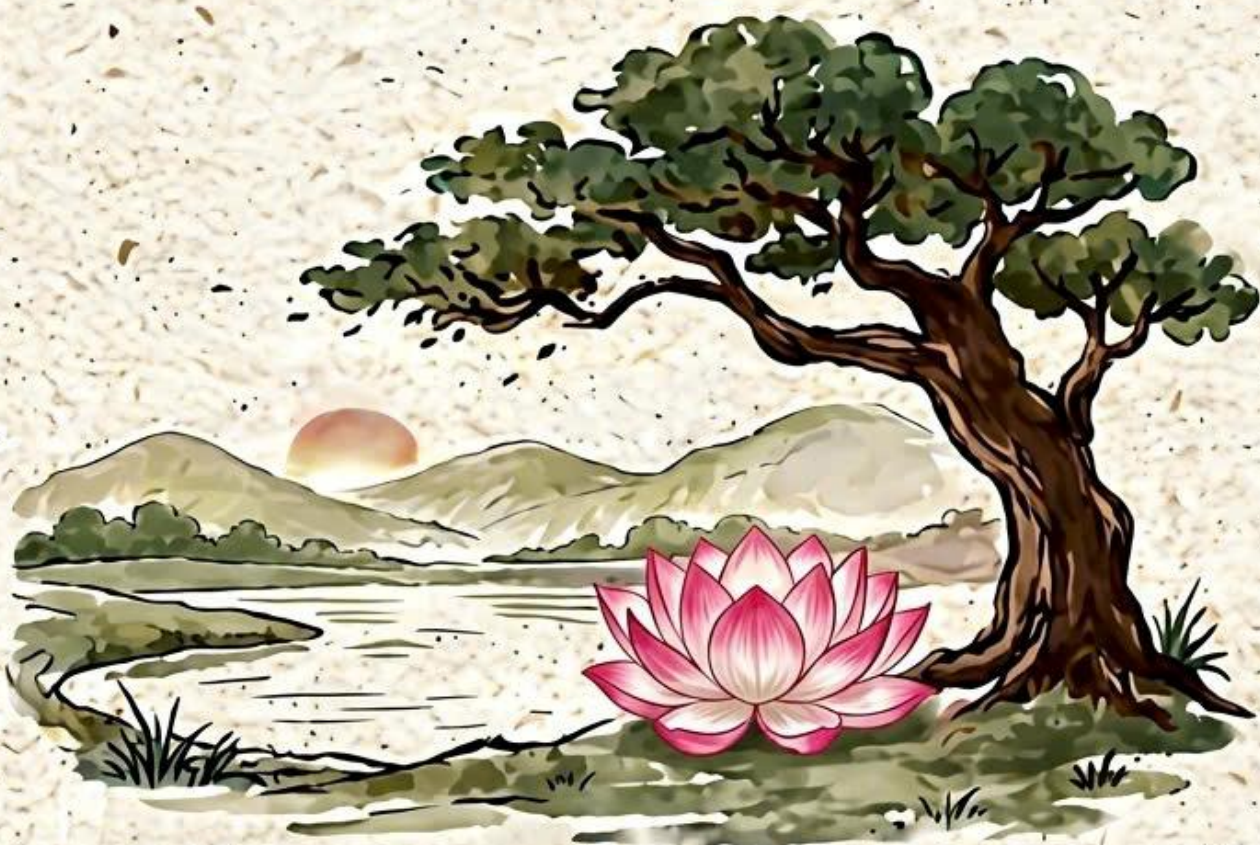


THIÊN SỰ THÍCH THANH TỪ

ĐÂU LÀ
CHỖN HẠNH PHÚC



ĐÂU LÀ CHÂN HẠNH PHÚC

MỤC LỤC:

LỜI ĐẦU SÁCH.....	3
BI VÀ TRÍ.....	4
LÀM SAO BỎ ĐƯỢC THAM SÂN SI	10
NGUỒN GỐC YÊU ĐỜI VÀ CHÁN ĐỜI	15
GẦN VÀ XA NIẾT-BÀN	23
ĐÂU LÀ CHÂN HẠNH PHÚC	33
MÌNH THƯƠNG AI NHẤT.....	41
BIẾT CHỌN LỐI ĐI CHO MÌNH (I)	48
BIẾT CHỌN LỐI ĐI CHO MÌNH (II)	53
GIÓ VÀ PHƯỚC	57

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Tu Là Chuyên Nghiệp gồm những bài giảng ngắn, hướng dẫn người ta chuyên nghiệp bất thiện nơi thân khẩu ý của phàm phu, thành nghiệp thiện của bậc hiền đức.

Quyển Đầu Là Chân Hạnh Phúc, cũng gồm những bài giảng ngắn của hòa thượng Thường Chiếu, nhằm hướng dẫn tăng ni và Phật tử tu sáu căn. Trong những bài này Hòa thượng giản trạch những cái vui thích tạm bợ trá hình của khổ đau, mà người đời cho là hạnh phúc, nên đã lao nhọc tìm cầu đuổi bắt, nhưng không được hạnh phúc lại còn khổ đau. Hòa thượng cũng giản trạch rõ ràng cái vui nào là cái vui chân thật cho tăng ni và Phật tử biết mà thực hiện, để được hạnh phúc chân thật vĩnh viễn.

Chúng tôi nhận thấy những bài giảng này rất cần cho người mong cầu hạnh phúc trọn vẹn, nên ghi thành sách để quý vị tiện bề nghiên cứu thực hiện. Sau khi ghi xong, chúng tôi trình lên Hòa thượng xem, được Hòa thượng chấp thuận cho xuất bản. Vì ghi từ lời giảng, chắc chắn tập sách không tránh khỏi những sai sót lỗi lầm. Xin quý độc giả thông cảm, bỏ qua cho những lỗi mà chúng tôi đã vấp phải.

Thiền thất Trúc Lâm Đầu hạ năm 1993

Kính ghi

THUẦN GIÁC

BI VÀ TRÍ

Trong đạo Phật chúng ta thường nghe nói đến trí tuệ và từ bi. Vậy trí tuệ là gì, từ bi là gì? Người sống như thế nào là sống với trí tuệ và người hành xử như thế nào là người từ bi?

Đạo Phật là đạo giác ngộ; giác ngộ là thấy đúng lẽ thật. Người muốn thấy đúng lẽ thật không thể thiếu trí tuệ được. Vì vậy mà tất cả chúng ta, nhất là người tu Phật phải lấy trí tuệ làm nền tảng. Ở đây tôi chia trí tuệ ra làm hai loại: trí thế gian và trí xuất thế gian. Trước hết tôi nói về trí thế gian theo tinh thần Phật pháp. Trí thế gian trong Phật pháp là thấy biết đúng tinh thần nhân quả. Người tu Phật khi làm việc gì phải thấy rõ nguyên nhân và hậu quả của nó. Người thấy rõ nhân và quả không lầm là người có trí tuệ. Trong kinh có nói: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Bồ-tát là hữu tình giác, một chúng sanh giác ngộ là chúng sanh đó biết sợ nhân ác, chúng sanh mê muội thì lại sợ quả khổ.

Cũng sợ vậy, mà hai cái sợ khác nhau, người sợ nhân gọi là giác, người sợ quả gọi là mê. Trí tuệ của người học đạo tuy là trí thế gian, nhưng cũng là trí tuệ của Bồ-tát. Người biết rõ mỗi hành động mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ là cái nhân đưa tới đau khổ, thì tránh không làm không nói và không nghĩ. Đó là người biết sống bằng trí tuệ. Nếu nghĩ nói làm không biết kết quả ra sao, cứ nói làm càn bướng, khi kết quả khổ đau đến thì than khóc, cầu trời khẩn Phật cứu, đó là cái si mê của chúng sanh. Hiện tại đa số chúng ta sống với trí tuệ hay sống với si mê?

Tôi đơn cử vài việc rất nhỏ mọn trong đời sống là ăn uống. Mục đích của sự ăn uống là để nuôi dưỡng mạng sống được khỏe mạnh lâu dài. Như vậy, ăn uống là cái nhân, nuôi dưỡng mạng sống được khỏe mạnh lâu dài là cái quả. Nhưng, có người ăn uống những thứ phá hoại mạng sống, vậy người đó là người trí hay người mê? Chẳng hạn như uống rượu, rượu làm cho đau bao tử, xơ gan, viêm phế quản... mà người ta vẫn cứ uống. Những món ăn không hợp với bệnh, ăn vào là bệnh phát mà người ta vẫn cứ ăn. Khi bệnh phát nặng lo sợ cầu thầy kiếm thuốc, mà cái nhân gây ra đau bệnh thì không tránh. Đó là người mê nên gọi là phạm phu thế gian. Người có trí biết cái gì ăn vào làm bại hoại mạng sống, làm cho cơ thể đau bệnh thì không ăn. Món ăn nào giúp cho cơ thể tráng kiện, làm cho mạng sống được lâu dài thì dùng, đó là người trí. Còn hút thuốc có lợi cho mạng sống hay có hại? Hút thuốc làm cho nám phổi, ung thư phổi... mà người ta vẫn cứ hút.

Á phiện là một loại ma túy làm cho thân thể con người gầy ốm xanh xao, suy nhược, bại hoại tột đỉnh, vậy mà người ta vẫn cứ hút. Đó là những người

si mê đáo đẽ, tự phá hoại thân thể mình một cách vô lý và nguy hiểm. Người si mê vừa vừa thì phá hoại cơ thể vừa vừa, người si mê ít thì phá hoại cơ thể ít. Tai họa của rượu, của thuốc, của á phiện hiện tại các nhà y học đã chứng minh cụ thể và khuyên không nên dùng. Người ta biết hại mà vẫn cứ dùng, thật là đáng thương! Là con người ai cũng có quyền chọn những thực phẩm tốt làm cho cơ thể khỏe mạnh để dùng, còn những thứ nào đưa đến bệnh hoạn đau khổ thì tránh. Vì con người có khỏe mạnh mới vui tươi, đau yếu thì buồn khổ.

Chúng ta tu Phật là tu theo đạo giác ngộ, những cái gì làm cho chúng ta đam mê, say đắm, khi thức tỉnh phải gan dạ bỏ liền. Đó là đã tiến trên đường giác ngộ. Đã tiến trên đường giác ngộ thì khổ đau của cõi đời này tuy chưa hết nhưng cũng đã bớt đi. Ví dụ người ghiền rượu, ghiền thuốc làm mỗi ngày được năm mươi đồng, uống rượu hai mươi đồng, hút thuốc mười đồng, còn lại hai mươi đồng không đủ tiền ăn cơm nên phải mang nợ. Cả cuộc đời sống trong say sưa thiếu thốn khổ sở vô cùng. Bây giờ biết uống rượu hút thuốc có hại, gan dạ bỏ không dùng nữa. Tiền lương mỗi ngày chỉ dùng cho việc ăn uống thì vừa đủ, nên thân khỏe mạnh tâm vui vẻ. Đó là người tự tỉnh tự giác bằng trí tuệ thế gian.

Lại có những chén thuốc đắng cay, uống vào không ngon miệng mà người ta lại dùng, vì họ biết món thuốc đó uống vào thì hết bệnh, thân thể khỏe mạnh, sống lâu.

Đó cũng do con người có trí tuệ thế gian biết gián trách nhân nào tốt thì làm, dù khó làm vẫn cố gắng; nhân nào xấu thì tránh, không làm dù có hấp dẫn. Người sống như vậy là tu, chứ không phải đi chùa thường, lạy hỳ hục, khi về nhà cũng rượu thịt say sưa, nói làm xằng bậy, gây khổ cho mình làm khổ lây cho người; đi chùa lạy Phật như thế chưa biết tu. Quý vị cứ sống bình thường, mà biết tránh những cái nhân xấu gây đau khổ cho mình, cho gia đình, cho xã hội, đó là tu.

Người có trí tuệ là người có thái độ dứt khoát, biết điều dờ, nhất định không làm, dù cho có ai khuyến khích rủ ren. Còn người bình thường phân tích biết điều đó dờ mà khi có ai rủ cũng chạy theo làm, thì người này chưa thật có trí, còn mơ màng nửa tỉnh nửa mê, gặp người tỉnh thì tỉnh theo, gặp người mê thì mê theo. Như vậy, người tu chúng ta phải thực sự tỉnh để tự quyết định việc làm của mình cho chín chắn tốt đẹp.

Về lời nói ngôn ngữ cũng vậy. Có khi nào mình chửi mắng người mà được người thương mến không? Chắc chắn là không. Tất cả quý vị hiện có mặt ở đây, có ai muốn cho mọi người ghét mình không? Chắc chắn là không. Chẳng muốn người ghét, thì những lời hung ác chê bai chỉ trích... nên nói hay nên dùng? Nên dùng. Vì những lời đó làm cho người nghe khó chịu, họ sẽ sanh

tâm oán ghét người nói. Ở đời nếu bị người oán ghét thì khi mình gặp khổ, họ sẽ chế nhạo hoặc hãm hại thêm. Còn nếu được người thương mến khi hoạn nạn được người cứu giúp an ủi. Như vậy thì có ai dại khờ gì mà cứ tạo những cái nhân để cho người oán ghét?

Ở thế gian này người ta ghét nhau bởi cái gì nhiều hơn hết? Đa số là do cái miệng. Vậy ngang đây quý vị nhớ tu cái miệng tức là tu khẩu nghiệp. Mỗi khi nói ra là phải lựa lời mà nói, lời lành thì nói, lời dữ thì chừa. Như vậy mới đem an vui lại cho mình cho người. Nếu nói lời dữ thì đau khổ sẽ đến, chứ không tránh khỏi.

Lại nữa, người cứ lo tụng kinh với Phật, hễ ai chọc tức thì mắng chửi không tiếc lời. Như vậy tụng kinh một giờ, chửi người chừng mười phút thì phước đức tụng kinh cũng không còn. Để thấy rõ việc tu hành, người trí biết lời nào nên nói thì nói, lời không nên nói thì dừng, điều tốt nên làm thì làm, điều quấy ác có hại thì không làm, đó là người giản trạch được lẽ thật. Quý vị chớ nói làm một cách mờ ảo có tính cách huyền bí linh thiêng mà không thông lý nhân quả. Vì đạo Phật chủ trương con người gặp cảnh khổ hay cảnh vui gốc từ nghiệp lành hay nghiệp dữ mà ra. Nói lành làm lành là nghiệp lành, nói hung dữ làm ác là nghiệp ác. Muốn được an vui mà gây nhân ác, đó là mê, thiếu trí tuệ. Thế nên muốn được an vui là phải tạo nhân lành, an ủi khuyên lơn giúp đỡ mọi người từ vật chất lẫn tinh thần cho họ được vui vẻ. Người biết sống như thế là người có trí tuệ thế gian.

Sau đây là trí xuất thế gian. Trí xuất thế gian là trí biết đúng như thật, cái nào giả biết nó là giả, cái nào thật biết nó là thật. Cái giả cho là thật đó là mê, cái có thật mà không biết cũng là mê, thiếu trí tuệ. Thế nên, cái giả biết rõ là giả, cái thật biết nó là thật, đó là người trí, mà là trí xuất thế gian. Trí này có khả năng thấy suốt được lẽ thật, nhìn thẳng nơi con người biết rõ cái nào là giả cái nào là thật không lầm lộn. Thông thường người đời ai cũng thấy thân này là thật. Nhưng với cái nhìn của người có trí xuất thế gian thấy như chỗ Phật đã chỉ bày: Thân này là tướng nhân duyên hòa hợp, nhân duyên hội đủ thì thân tồn tại, nếu thiếu duyên thì nó tan hoại. Bốn thứ đất, nước, gió, lửa hợp lại mà có thân này; những chất cứng như tóc, lông, móng, răng, xương... thuộc về đất. Những chất lỏng như máu, nước miếng, mồ hôi... thuộc về nước. Hơi ấm thuộc về lửa. Sự máy động, hơi thở... thuộc về gió. Bốn món đó hòa hợp thành thân này, nếu một trong bốn món đó mất đi thì thân tan hoại. Bốn món đó là bốn yếu tố chính duy trì mạng sống con người. Nhưng bốn món đó lại xung khắc với nhau; lửa gặp nước thì tắt, đất gặp gió thì rung rinh... Vậy mà bốn món đó phải hợp nhau điều hòa nhau thì mạng sống con người mới tồn tại an ổn. Nếu có sự chống trái hay dư thừa hoặc hao hụt thì thân bất an. Chẳng hạn lửa nhiều thì thân nóng đầu nhức phải dùng thuốc hạ sốt. Lửa ít thì rét run phải sưởi ấm,

uống thuốc cho tăng nhiệt lượng. Nước nhiều thì phù thũng phải uống thuốc để thải nước ra. Nước ít thì khô khao gầy đét... Gió nhiều thì đau nhức... Cứ như vậy mà biến động không dừng ở nơi thân. Nếu một trong bốn món đó hoặc quá thiếu hay quá thừa thì mạng sống dừng ngay. Chúng ta thấy sự hòa hợp của đất, nước, gió, lửa thật là tạm bợ, giờ nào nó còn hòa hợp là thân còn, giờ nào nó bất hợp tác thì thân mất, không có gì bảo đảm cả, chỉ cần một hơi thở ra mà không hít vào thì chết ngay. Đó là cái thấy của người trí về thân thể con người. Ngược lại, ai cho rằng thân này là thật, chắc bền vĩnh viễn, đó là cái thấy của người mê. Song, không phải biết thân này tạm bợ để rồi bi quan yếm thế, buồn than cho số phận. Mà giờ nào còn thở, còn khỏe mạnh, những điều hay tốt, nên làm ngay, nếu chần chờ khát hẹn, chết đến sao làm kịp? Tu cũng vậy, giờ nào còn thở còn hơi ấm thì lo tu, mai một tắt thở làm sao tu kịp? Biết như vậy để nỗ lực tu, nỗ lực làm điều thiện, chứ không phải thấy nó tạm bợ để rồi sống buông xuôi chờ chết, quan niệm như vậy không đúng. Người trí thấy thân này tạm bợ, không thật, nhờ vậy mà hằng tỉnh giác nỗ lực tu hành. Đó là giai đoạn thứ nhất thấy thân này giả.

Giai đoạn thứ hai: Thấy thân này là giả và ngay trong cái giả đó còn có cái chân thật không hình không tướng mà hằng sáng rỡ không hoại, người trí khéo nhận ra nó và hằng sống với nó. Ví dụ trong nhà giảng này trên đây là bàn Phật có hình tướng, quý vị nói là có; khoảng không gian trống, đa số người nói là không. Nhưng kỳ thật nó không phải là không. Nếu không thì mọi người đều chết vì thiếu không khí thở. Khoảng không gian này không có hình tướng thô như cái bàn, tượng Phật nhưng có không khí, có bụi bặm... Chỉ vì mắt thường không thấy được nên cho là không. Vì thế mà phủ nhận những gì quá tầm mắt thấy. Như vậy, để thấy những cái được cho rằng có là vì có hình tướng thô, còn trong không gian cũng có những cái tế, mà mắt thường không thấy được, chứ không phải là không.

Cũng vậy, thân người phần tứ đại hòa hợp là cái có thô, còn cái hiểu biết được gọi là tâm là cái có tế. Cái có thô là vật chất, cái có tế là tinh thần. Tinh thần có thì vật chất có, vật chất có thì tinh thần có, hai cái hỗ tương nhau nên mới có cuộc sống thế này. Bởi có tinh thần nên khi vật chất hoại mà tinh thần bất động không hoại. Người thấy cái thật biết đúng như thật, thấy cái giả biết đúng như giả, đó là người có trí xuất thế gian. Tôi nhắc lại, người học đạo là phải có trí. Trước tiên là phải có trí thế gian hay hữu sư trí, do sự học hỏi truyền dạy của bậc thầy mà có, để rồi đi tới trí xuất thế gian do sự tu hành mà được. Học đạo mà mù tối quá thì không xứng đáng là người học Phật.

Bây giờ nói tới từ bi. Từ bi từ đâu mà có và muốn có phải làm sao? Làm thế nào có được tình thương đối với mọi người? Tình thương và từ bi có khác nhau không? Tình thương là tình luyện ái giữa cha mẹ, anh em, vợ chồng, con

cái, bằng hữu... lại có những tình thương không tốt phi đạo lý nữa. Còn từ bi là lòng thương cao thượng bất vụ lợi, thương tất cả mọi loài không vì bản ngã của mình. Muốn có tình thương bất vụ lợi đó trước tiên chúng ta phải xét cảnh khổ của con người. Bài pháp đầu tiên Phật giảng cho năm anh em ngài Kiều-trần-như tại vườn Lộc Uyển là Tứ đế. Trong Tứ đế, Khổ đế được nêu lên trước cho mọi người thấy khổ là một lẽ thật không chối cãi được. Mục đích là để cho con người thoát ra mọi khổ đau. Do thấy khổ đau giày xéo lên kiếp người mà khởi lòng từ bi thương yêu lẫn nhau, cứu giúp cho nhau ra khỏi biển khổ, chứ không phải nói khổ để mà khóc than cho số phận. Thông thường khi con người cùng ở trong cảnh hoạn nạn khốn khổ thì dễ thông cảm, dễ thương nhau. Nhưng khi ở trong cảnh giàu sang, quyền thế, người được địa vị cao kẻ ở địa vị thấp khó thông cảm và thương yêu nhau. Vì vậy muốn phát khởi lòng thương, việc dễ dàng nhất là thấy rõ nỗi khổ của nhau thì mới thương yêu nhau. Nếu mọi người thấy rõ thân mình cũng như thân người do tứ đại hòa hợp mà thành. Khi nó bất hòa thì thân bệnh hoạn, một đại bất hòa thì sanh một trăm lẻ một bệnh. Nếu bốn đại bất hòa thì sanh bốn trăm lẻ bốn bệnh. Như vậy thân này là một ổ bệnh, đã là một ổ bệnh thì khổ vô cùng. Có thân không ai dám nói tôi hoàn toàn không bệnh, không bệnh nặng thì cũng bệnh nhẹ hoặc bệnh mới phát khởi hoặc bệnh đã khởi lâu, không ai là không bệnh. Để thấy rõ thân chúng ta là thân bệnh hoạn, người nào cũng có bệnh thì người nào cũng khổ. Tất cả đều khổ nên thương nhau, giúp đỡ nhau, an ủi nhau cho bớt khổ. Kiếp người vốn đã khổ rồi, lại làm cho khổ thêm thì quá ác. Có nhiều người tuy bên ngoài thân lành lặn nhưng bên trong có đôi ba chứng bệnh đang hành hạ, khiến họ đau nhức, rên rỉ hoặc cộc cằn. Nếu họ có lỗi lầm nên tha thứ. Người tu là kẻ từ bi, người đời đã khổ mà làm khổ thêm là thiếu từ bi, không xứng đáng là người tu Phật.

Thứ nữa, là xét đến cái si mê của chúng sanh mà khởi tâm từ bi. Chúng sanh vì si mê nên cái giả không biết là giả cho là thật, và cái thật mình tự có không biết lại bỏ quên đi. Do tưởng cái giả là thật nên bị cái giả chi phối sai sử tạo bao nhiêu nghiệp tội, để rồi đời này mang thân này khổ, đời khác mang thân khác khổ, cứ mang thân khổ trầm luân trong vòng sanh tử không có ngày dừng. Chúng ta khi thấy người nào đang ở trong cảnh mê, liền dùng mọi phương tiện khuyến khích nhắc nhở cho họ tỉnh. Dù họ chưa hoàn toàn tỉnh song cũng lóe sáng phần nào để bớt mê. Hễ bớt mê là bớt khổ. Đó là lòng từ bi, vì thấy người mê nên khởi lòng thương xót. Như vậy chúng ta là người học Phật phải có trí tuệ và từ bi. Từ bi một là thấy chúng sanh khổ mình thương xót, an ủi giúp đỡ họ được vui. Hai là thấy người mê cứ gây nghiệp rồi chịu khổ, khổ từ đời này tới đời nọ không có ngày cùng, nên thương xót dùng phương tiện chỉ dẫn cho họ bớt mê. Phật dạy thể hiện lòng từ bi không gì hơn

là bố thí, bố thí tài tức là giúp đỡ của cải vật chất cho người nghèo khó bệnh tật. Bố thí pháp là giảng dạy nhắc nhở cho người hết mê lầm.

Trách nhiệm của người tu là phải tự mình có trí tuệ để giải khổ cho mình và xót thương mọi loài đang đau khổ mà giúp cho họ giải khổ. Tự mình làm sao thoát khỏi những cái dở, những thói quen tật xấu từ lâu đời để mình hết khổ và giúp cho mọi người hết khổ là tu. Tu bằng trí tuệ và từ bi.

LÀM SAO BỎ ĐƯỢC THAM SÂN SI

Hôm nay quý Phật tử đến chùa, xin tôi nói pháp hướng dẫn nhắc nhở cho quý vị tu hành. Riêng Phật tử ở Biên Hòa, mấy năm nay được nghe kinh nhiều, hơn nữa quý vị hiện có mặt ở đây đa số là người lớn tuổi. Nên tôi không nói đạo lý cao siêu, mà chỉ nhắc cho quý Phật tử biết rõ ý nghĩa tu hành. Vì quý vị đã nghe kinh hiểu đạo, giờ cần thiết là phải tu.

Thế thường nói đến tu hành người đời thường hiểu lầm rằng: Tu là phải bị hành phạt, tự hành phạt cách này cách nọ. Hiểu như thế là không đúng. “Hành” đây có nghĩa là thực hành điều mình đã học qua kinh luận Phật tổ dạy, chứ không phải học hiểu suông. Nhiều Phật tử đến chùa nghe chúng tôi giảng dạy đã hiểu mà về nhà không thực hành. Học đạo như thế là chưa tròn ý nghĩa. Ví dụ có người bệnh đến nhờ bác sĩ khám bệnh, bác sĩ khám xong cho toa và dặn rằng: “Ông uống theo toa thuốc này thì bệnh sẽ hết.” Người bệnh nhận được toa thuốc hay mừng quá, cầm đọc thuộc lòng mà không chịu mua thuốc để uống. Như vậy bệnh có hết không? Chắc chắn là không hết dù thầy giỏi thuốc hay. Thế nên, khi được toa thuốc rồi phải mua thuốc uống mới hết bệnh. Hiện tại quý Phật tử nghe kinh học đạo biết tham, sân, si là xấu, là bệnh. Vậy quý vị bỏ được chưa? Chưa. Đây là điều mà tôi muốn nhấn mạnh hôm nay. Chúng ta học kinh luận, ai cũng biết sân là món độc làm tiêu mòn hết công đức tu hành. Một lần nổi sân thì bao nhiêu công đức tu hành gây tạo hồi nào đến giờ ngang đây liền tiêu tán. Chẳng hạn từ trước đến giờ quý vị đối xử với mọi người rất tốt, giúp ích đỡ đần họ mọi việc, nên họ biết ơn và thương mến quý vị. Nhưng một hôm nào đó họ làm điều bất chánh, khiến cho quý vị bực mình nổi sân la chửi họ làm cho họ ghét quý vị, thì công ơn mà quý vị giúp họ mấy năm qua không còn nữa. Chỉ một phút giây nổi sân là công đức tiêu tan hết. Sân giận tác hại như thế! Quý vị học ba năm qua, buông bỏ sân giận được bao nhiêu rồi? - Dạ chút chút. Học ba năm mà bỏ được chút chút, như vậy là tiến chậm quá! Học Phật mà chưa bỏ được tham sân si là chưa có thực hành, chưa có tu, thì sẽ bị người đời chê cười: Chị đó đi chùa học đạo đã lâu, thế mà động tới là chị nổi sân ầm ầm, học đạo như vậy đâu có lợi ích! Chính vì vậy mà hôm nay tôi phải nhắc nhở quý vị. Những điều quý vị đã học thì phải nỗ lực tu hành và phải nhớ đi chùa về nhà ai nói gì cũng nhin cũng vui vẻ.

Năm vừa qua có một Phật tử từ Bến Tre đến Thiền viện, lúc mười giờ trưa, gần tới giờ thọ trai. Ông xin tôi cho hỏi hai câu, được giải đáp xong là ông về Bến Tre liền. Ông hỏi:

- Thưa Thầy, con học đạo hiểu đạo, ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật. Nhưng không biết tại sao nóng giận con bỏ chưa được, tham lam con bỏ cũng

không được, thấy cái gì đẹp con cũng ham. Xin Thầy chỉ dạy con phương pháp bỏ cho được tham, sân, si?

Quý Phật tử hiện có mặt ở đây có giống Phật tử Bến Tre này không? Đa số Phật tử đều vấp phải lỗi này. Vậy làm sao bỏ được nóng giận, làm sao bỏ được tham lam? Tụng kinh niệm Phật cũng chưa hết tham sân. Còn tụng kinh, còn niệm Phật thì tham sân tạm lắng lặng một chút. Ngưng tụng kinh, thôi niệm Phật gặp duyên thì tham sân vẫn bộc phát. Như vậy làm sao cho hết tham sân? Tôi hỏi đạo hữu ấy rằng:

- Theo đạo hữu thì mỗi khi người ta làm trái ý đạo hữu, đạo hữu nổi giận lúc ấy đạo hữu phải làm sao?

- Thưa, phải nhịn.

- À nhịn lần thứ nhất. Nhưng lần thứ hai họ làm nữa, đạo hữu ráng nhịn lần thứ hai. Lần thứ ba họ lại làm nữa thì đạo hữu làm gì? Chắc nói: “Tôi nhịn lần thứ ba rồi nghe, lần nữa là tôi không nhịn đó!” Phải vậy không? Bởi nhịn đây là do đê. Vì đê nên quá sức chịu đựng thì bung. Vậy muốn không giận mà cũng không cần nhịn phải làm sao? - Cần thấy rõ nguồn gốc sanh ra nó. Sở dĩ chúng ta có tham lam, có sân giận là do chấp ngã, thấy mình quá cao, quá lớn, muốn như thế này, muốn như thế nọ; muốn mà không được thì tức giận. Ví dụ quý vị ở nhà với quyền làm cha làm mẹ, mỗi khi con cái làm điều gì trái ý liền nổi giận la rầy.

Còn đến các cơ quan chính quyền, họ làm ngược ý, quý vị có dám giận không? Không. Tại sao con cái làm trái ý quý vị giận còn chính quyền làm ngược ý quý vị không dám giận? Tại sợ. Vì đến cơ quan chính quyền, quý vị tự thấy mình thấp hơn họ, nên sợ không dám giận. Còn con cái trong nhà, quý vị thấy nó nhỏ, cái ngã quý vị cao lớn hơn nó nên dễ nóng giận. Rõ ràng bệnh sân giận gốc từ chấp ngã mà ra, chấp ngã là do si mê. Như vậy, muốn hết sân giận phải phá trừ bệnh chấp ngã, làm cho cái ngã mòn đi, thấp xuống. Đó là then chốt của sự tu hành. Sở dĩ chúng ta chấp ngã là do chúng ta thấy thân tâm mình là thật nên quý nó, thấy nó cao trọng hơn mọi người, lo vun bồi tô đắp cho nó to lớn thêm. Giờ đây quán chiếu thấy nó vô thường, duyên hợp tạm có không thật, thấy như thế niệm chấp ngã liền tan.

Đa số người học Phật, thấy Phật tổ dạy trong kinh luận: Thân này là vô thường giả tạm, chúng ta cũng nói theo thân này là vô thường giả tạm. Chứ tự mình chưa có kinh nghiệm bằng trí tuệ thấy rõ thân này vô thường giả tạm, nên miệng nói thân vô thường giả tạm mà ý niệm cứ nghĩ mình thật, mình sống lâu nên tham lam sân giận mãi không hết. Giờ đây phải dùng trí quán sát thân này thật là giả thì tham sân ngang đó liền hết. Bây giờ quý vị hãy nghe tôi hỏi:

- Hiện tại chúng ta ngồi đây, lỗ mũi đang làm gì?

- Dạ đang thở.

- Thở là sao và để chi?

- Thở là hít không khí của trời đất để sống.

- Không khí ở ngoài của trời đất, chúng ta hít vô là mượn, mượn vô rồi trả ra, trả ra rồi mượn vô, mượn vô rồi trả ra... mượn trả đều đặn gọi là sống. Nếu trả ra mà không mượn vào thì sao?

- Dạ chết.

Như vậy, kiếp sống của con người là một việc vay mượn, còn trả ra còn mượn vào là còn sống, hết mượn hết trả là chết. Vậy làm việc vay mượn có thể gọi là mình sống thật không? Ví dụ một gia chủ cất được một cái nhà, mà chưa sắm được đồ đạc, nên mượn tủ bàn ghế... của hàng xóm để trang trí trong nhà. Những món đồ mượn của hàng xóm nói là đồ của mình thật được không? Đồ mượn là phải trả, nó đâu thật của mình! Cũng vậy, thân này mượn không khí vô rồi trả ra, trả ra rồi mượn vô, còn mượn là còn sống, trả ra không mượn vào thì chết làm sao nói thân này là thật được? Thân này chẳng những mượn không khí, mà còn phải mượn nước, mượn nước rồi cũng trả, trả rồi mượn nữa... Một ngày, một tuần không mượn nước có sống không? Dạ chết! Chẳng những mượn không khí, mượn nước, mà còn phải mượn cơm nữa. Một lát mượn một chén cơm, hai chén cơm, ba chén cơm... mượn rồi cũng phải trả. Phật nói thân này do tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Hợp rồi nó không tự sống, không tồn tại được, mà phải mượn đất nước gió lửa bên ngoài bồi bổ luôn luôn; thở là mượn gió, uống là mượn nước, ăn là mượn đất, trong thức ăn có những chất nóng là lửa. Đất nước gió lửa có sẵn trong thân mà không tự tồn tại được, phải tiếp tục mượn đất nước gió lửa bên ngoài luôn luôn.

Còn vay mượn là còn sống, trả mà không mượn là chết; kể cả bốn thứ, thứ nào trả mà không mượn là chết ngay. Như vậy kiếp sống con người là một cuộc vay mượn, đã là vay mượn thì không thể nhận là thật được. Cuộc sống đã không thật thì cái gì thật là “ngã” mà chấp “ta là quan trọng, ta là trên hết”. Khi thấy thân này vay mượn tạm bợ không bền không lâu, có gì quan trọng để tham lam sân giận? Giả sử có người nói những lời mắc mớ, nặng nề, nếu mình thấy thân mình tạm bợ không thật, thì bỏ qua không chấp, không cần đề nện gì hết. Chẳng hạn người đau nặng hấp hối sắp chết, nếu ai mắng chửi họ, họ có chửi lại không? - Không, vì lúc đó họ lo thở, đang chờ chết đâu để ý chửi lại. Do con người lúc nào cũng thấy thân tâm mình thật sống lâu, nên chống đối chửi lại. Như vậy, khi nào thấy thân tâm mình thật sống lâu thì lúc đó có hơn thua... Còn lúc nào thấy thân tâm tạm bợ giả dối thì lúc đó không còn hơn thua, hết tham lam sân giận.

Từ đây quý Phật tử nhớ rõ thân này là tạm bợ giả dối, nó là sự vay mượn không bền lâu, hơn thua để làm gì? Nếu không hơn thua là mình đã nhịn rồi phải không? Nhịn như thế có ngu không? Không. Chúng ta nhịn mà không đè nén gì hết, thấy thân tạm bợ giả dối nên không hơn thua tranh chấp. Ngày nay mình còn đây, ngày mai chắc gì còn, nếu cứ tranh giành hơn thua không chịu lo tu, chết đến sẽ khổ đau. Người bỏ qua những chuyện hơn thua để tu, tu để ngày mai được an vui thanh nhàn, đó là người trí. Còn những người cứ câu mâu hơn thua làm khổ với nhau, chẳng những khổ trong hiện tại mà khổ cả ngày mai, người như thế không khôn. Như vậy, chính vì người trí thấy thân này tạm bợ vô thường, cuộc sống quá ngắn ngủi, lo tu hành, bỏ qua mọi chuyện tranh chấp hơn thua. Do không hơn thua nên người đời nói là nhẫn, sự thật không có nhẫn. Với mắt trí tuệ thấy người vật không bền không thật nên không chấp, không chấp nên được an vui, do không chấp mà tâm được an vui nên đối với người không chấp dù có mắng chửi họ, họ vẫn cười không giận. Không như người đời nghe thấy ai nói làm hơn mình, cố gắng đè nén, đè nén quá sức chịu đựng thì nổ bung, la lối mắng chửi lại. Như thế là chưa điều phục được sân giận. Muốn điều phục sân giận có kết quả tốt thì phải dùng trí thấy rõ thân này, cuộc sống này vô thường tạm bợ không có thật ngã. Khi đã thấy thân này, cuộc sống này tạm bợ không thật, thì không khởi niệm tranh chấp hơn thua. Đã không có niệm tranh chấp hơn thua thì đâu có sân giận. Hơn nữa, khi thấy thân này tạm bợ, sống nhờ sự vay mượn, thì có tham muốn nhiều không? Không. Con người sở dĩ tham ăn ngon, tham mặc đẹp, tham ở cao sang... là để cho thân này được sung sướng. Nhưng thân này tạm bợ giả dối, sống sung sướng để chi? Thôi thì sống sao cũng được, nên không khởi lòng tham. Do không tham muốn nên sự mất còn, hơn thua không bận lòng, không lo buồn. Sự mất còn hơn thua không bận lòng thì đâu có sân giận. Như vậy khi thấy thân này tạm bợ giả dối không thật là phá được si mê, si mê hết thì không còn tham, tham hết thì nóng giận đâu còn, khổ đau dứt sạch. Nếu quý Phật tử tụng kinh hay niệm Phật giỏi, vẫn còn chấp thân này là thật là quý thì tham sân không bao giờ hết.

Vì vậy mà Phật dạy chúng ta quán thân vô thường hay quán pháp vô ngã. Do thấy kiếp sống của con người là sự vay mượn không bền không thật, nên lúc tôi ở Chơn Không có làm một bài kệ nói về mạng sống con người như sau:

Mạng sống trong hơi thở,

Trong nhịp đập quả tim.

Thế nào là mạng sống?

Sự vay mượn liên tục.

Kiếp sống của con người là gì? Là sự vay mượn đất nước gió lửa thường xuyên. Còn vay mượn là còn sống, ngừng vay mượn là ngưng thở, tim không đập là chết. Kiếp sống của con người tạm bợ không thật, vậy mà người đời cứ tưởng là thật rồi tranh giành hơn thua, gây đau khổ cho nhau không dừng không dứt.

Hôm nay tôi không giảng nhiều mà chỉ nhắc nhở cho quý Phật tử nghe hiểu được lời Phật dạy rồi cố gắng ứng dụng tu hành, để cho bản thân mình bớt si, bớt tham, bớt sân, như thế mới là người Phật tử có tu, có tiến bộ. Nếu đi chùa lâu học giáo lý nhiều, mà tham sân si vẫn còn nguyên thì tự thân mình không được lợi ích, lại còn bị người đời cười chê. Vì vậy, tôi mong quý vị nghe qua cố gắng tu hành cho tham sân si tiêu mòn để được an vui.

NGUỒN GỐC YÊU ĐỜI VÀ CHÁN ĐỜI

Thế thường người đời hay than trách: Con người sao quá tệ ác xấu xa! Khi đã thấy người xấu thì mình đã ngầm nhận mình tốt rồi. Nếu mọi người chung quanh là xấu, đều là hèn hạ, đều đáng ghét, mình quá tốt thì không còn lòng dạ nào muốn thân thiện sống chung với ai cả. Như vậy thì ở thế gian này mình như một kẻ lạc loài. Vì mình quá tốt mà người đời thì quá xấu không giao hảo được. Khi thấy mình lạc loài giữa đám rừng người thì sanh tâm chán đời. Ngược lại, nếu thấy mọi người ai cũng tốt, ai cũng giỏi, ai cũng hơn mình, thì lúc đó mình thấy cần nhập cuộc với họ, để được hay được tốt, được tiến bộ, lúc đó tâm yêu đời phát khởi. Quan niệm yêu đời hay chán đời gốc từ chỗ thấy người tốt hay thấy người xấu mà ra. Thoạt nghe qua thấy hơi thế gian, nhưng đó là tinh thần tích cực của người tu Phật chân chánh và tinh thần tiêu cực của người mới học đạo.

Vậy chúng ta nên nhìn đời bằng cách nào để không buồn chán, để không muốn tự tử, để vui sống?

Đa số chúng ta với cặp mắt quen nhìn ra ngoài, ít nhớ ngó lại mình, nó có đặc điểm là thấy bên ngoài mà không thấy mình. Bởi vậy, lúc nào cũng thấy người này có khuyết điểm này, người kia có khuyết điểm kia, mình nhìn ai, ai cũng có khuyết điểm cả, còn mình thì không thấy lỗi nên nghĩ mình tốt. Người khác cũng vậy, họ cũng thấy mình xấu luôn, chỉ một mình họ tốt. Mọi người sống đều hướng ra ngoài, khi thấy thì thấy cái khuyết nhiều hơn cái ưu và cái xấu của người mình nhớ mãi, cái tốt của người lại mau quên. Ngược lại, cái xấu của mình thì mình mau quên, cái tốt thì nhớ mãi. Cho nên giúp ai việc gì thì nhớ hoài, còn ai giúp mình thì không nhớ. Do đó mà sanh ra cái bệnh kẻ công và quên ơn người. Cái ơn lớn nhất là ơn sanh dưỡng của cha mẹ mà cũng muốn quên nữa. Hằng ngày chúng ta không nghĩ đến chuyện hiếu thảo với cha mẹ, mà cứ dạy con phải có hiếu với mình. Đó là do mình nhớ mình ban ơn cho nó, còn cha mẹ ban ơn cho mình thì mình lại quên. Đây là chuyện thực tế mà bất công, dường như ai cũng có dự chút phần trong đó. Đa số chúng ta vì quên cái tốt và nhớ cái xấu của người, nên thấy ai cũng xấu cả, ai cũng thua mình, nên sanh tâm chán nản. Ngược lại, chúng ta luôn nhớ cái xấu và quên cái tốt của mình thì lúc nào cũng thấy có người hơn mình để học hỏi. Có nhiều người nói chuyện đáng thương lắm, họ nói rằng: Ở đời chẳng ai thông cảm tôi cả. Trong nhà thì cha mẹ anh chị em không hiểu được tôi, ra ngoài xã hội cũng chẳng ai thông cảm tôi. Tại sao mọi người không thông cảm mình?

Tại mình quá hay, hay tại mình quá dở? Nhìn kỹ lại coi? Tại mình chấp ngã to quá, mở miệng ra thì đề cao mình lên, hạ người xuống, mình cao quá ai mà thông cảm mình nổi! Người mà hay than như vậy là do họ thấy họ hay,

không thấy họ dở, thấy không ai hiểu nổi mình, nên cảm thấy bị cô độc. Mà cô độc thì sanh ra chán đời rồi muốn chửi đời. Những người mà hay chửi đời là tại cái bệnh đó. Lỗi tại đâu mà mình bị cô độc như vậy? Chúng ta xét thật kỹ mới thấy lời Phật tử dạy hay đáo để, vì chúng ta không nghiền ngẫm nên quên đi. Bởi vì mọi người ai cũng nghĩ mình là người tốt là người cao thượng, chung quanh mình ai cũng xấu, hoặc xấu nhiều hoặc xấu ít. Do thấy như vậy mà bị quan yếm thế. Tôi ví dụ cho dễ hiểu. Có người tới chùa cho mít giống, họ giới thiệu giống mít này rất ngon, quý hơn tất cả loại mít hiện có ở đây. Tri viên chùa nhận biết giống mít đó quý nên khi ươm trồng, chăm sóc rất chu đáo. Ngược lại nếu người cho mít giống giới thiệu giống mít đó dở. Tri viên dù có ươm trồng rồi cũng bỏ đó. Tại sao Tri viên trồng giống mít ngon chăm sóc chu đáo mà lại lãng quên giống mít dở? Vì Tri viên thấy mít ngon là quý trồng được trái thì được nhiều người ưa thích, còn mít dở dù có được trái chẳng mấy ai ưa chuộng. Con người cũng vậy, nếu thấy ai hay, tốt thường làm lợi ích cho đời thì mình quý trọng, còn ai là người dở xấu thì mình khinh họ. Bởi vì mình thấy những người này không làm nên trò trống gì, chỉ có ta thôi, nên thấy họ không có ý nghĩa gì đối với mình cả. Vì vậy mà sanh ra chán không muốn lo không muốn làm gì cho ai cả, nên sống trong u buồn khổ não, chứ không vui.

Xưa Khuất Nguyên ôm đá trầm mình dưới sông Mịch La chết, cũng vì quan niệm: “Người đời đục cả chỉ một mình ta trong, người đời mê cả chỉ một mình ta tỉnh.” Khuất Nguyên nhìn đời như thế làm sao sống được với đời mà không tự vẫn chết? Khuất Nguyên chết vì thấy mình hơn thiên hạ, thiên hạ không ai bằng mình nên đâm ra chán đời, không muốn sống nữa. Đó là quan niệm sai lầm của người xưa. Ngược lại, ông chài nghe Khuất Nguyên than, ông bèn nói: “Nếu nước đục thì ta rửa chân, nước trong thì ta giặt dải mũ.” Ông chài thấy nước đục nước trong gì cũng có ích cho ông hết, vì vậy mà ông vui sống, Khuất Nguyên thì phải tự tử. Để thấy rằng, nếu biết nhìn đời bằng cặp mắt dung hòa; người dở giúp mình việc khác, người hay giúp mình việc khác, ai cũng là người giúp đỡ mình thì cuộc sống đâu có gì phải chê chán?

Muốn có quan niệm sống phù hợp với đạo lý và hữu ích cho đời, thì chúng ta phải có thái độ nhìn đời cho thấu đáo. Như Khuất Nguyên thấy người đời đục cả, chỉ một mình ông trong, người đời mê cả chỉ một mình ông tỉnh. Như vậy “cái ta” của ông to cỡ nào? Do cái ta to quá nên không thông cảm được ai và cũng không chịu nổi với mọi người, phải trốn mọi người bằng cách trầm mình xuống sông Mịch La để chết. Bây giờ chúng ta muốn sống với mọi người cho vui thì phải làm sao? Phải nhìn thấy cái dở và quên cái hay của mình. Nếu thấy được cái dở và quên cái hay của mình thì tự nhiên “cái ta” tự hạ thấp. Cái ta mà thấp thì đâu còn cách biệt với ai, ai ai mình cũng có thể sống được. Quý vị kiểm lại coi, có người nào trọn đời giới hoàn toàn không? Cần thận tới đa

cũng có lúc sơ suất lộ ra những cái dở để người ta thấy. Như vậy, nếu kiểm những điều dở từ thuở bé đến bây giờ ghi chắc đầy cuốn sổ một trăm trang. Lỗi mình cộng lại nhiều như thế thì có gì mà phách lối, có gì mà kiêu ngạo? Do vì cái dở mình xóa hết, cái hay thì ghi vào, khi giở sổ ra thấy mình hay nhiều quá, nên mới thấy mình siêu, mới thấy mình hơn thiên hạ. Chúng ta có hai cuốn sổ, một cuốn ghi công của mình và một cuốn ghi tội của người. Khi ghi công mình thì không bỏ sót một chút nào. Và ghi tội người cũng vậy không bỏ sót, đôi khi còn ghi oan nữa là khác. Bởi vậy nên ngồi lại bàn chuyện đời thì thấy thiên hạ tội thôi là tội, mình thì công thôi là công. Do đó nên mình khinh mọi người, mình khinh người thì làm sao người thương mình được. Kể cả anh chị em ruột đi nữa đã không thông cảm mà có vẻ khinh khi nhau, huống là bạn bè, người xa lạ! Mọi người và mình muốn có chỗ cảm thông nhau thì việc đầu tiên chúng ta phải nhìn lại thấy lỗi và quên cái hay của mình. Thấy mình dở nhiều, nên gần ai cũng có cái mình để học hỏi, nhờ vậy mà mình dễ cảm thông với mọi người. Bài tụng Vô Tướng trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy:

*Nhược chân tu đạo nhân,
Bất kiến thế gian quá.
Nhược kiến tha nhân phi,
Tự phi khước thị tả,
Tha phi ngã bất phi,
Ngã phi tự hữu quá.
Đản tự khước phi tâm,
Đả trừ phiền não phá,
Tảng ái bất quan tâm,
Trường thân lương cước ngọa.*

Dịch:

*Nếu người thật chân tu,
Không thấy người đời lỗi.
Nếu thấy lỗi của người,
Lỗi mình đến bên trái,
Người sai ta không sai,
Ta sai tự có lỗi.
Chỉ dẹp tâm mình sai,*

*Dứt trừ phiền não sạch,
Yêu ghét chẳng bận lòng,
Duỗi thẳng hai chân nghĩ.*

Nhiều người cho bài tụng này Tổ dạy quá thấp, kỳ thật đây là nền tảng đạo đức. Chúng ta thấy Tổ dạy quá kỹ. *Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá.* Người mà tu hành chân thật thì không thấy lỗi của người đời, vì thấy lỗi người thì quên lỗi của mình, hễ quên lỗi mình là không tu, mãi lo nhớ anh này dở chị kia kém, rồi buồn giận phát sinh... Người tu thật thì hằng xét nét lỗi mình, mình còn tham, ít biết nhẫn nhục, nhiều si mê... để khiến trách và sửa chữa. Quý vị kiểm lại coi mình đang tu thế nào?

Nhược kiến tha nhân phi, tự phi khước thị tả. Nghĩa là thấy lỗi người thì lỗi mình đến bên cạnh rồi. Tại sao vậy? Vì khi thấy lỗi người tâm ngã mạn liền sanh, vì vậy phải dè dặt đừng thấy lỗi người, mà phải thấy lỗi mình để mình tu sửa cho tiến bộ.

Tha phi ngã bất phi, ngã phi tự hữu quá. Nếu người làm quấy là họ chịu, mình đừng giành cái quấy của người. Thế mà người đời cứ đi giành cái quấy của người ta, thấy ai làm lỗi liền sanh bực bội nóng giận. Như vậy là người có lỗi mình liền sanh lỗi, tức là mình giành lỗi với người rồi. Nhiều người nói mới nghe coi như họ tích cực lắm, kỳ thật thì họ chưa biết tu. Họ cho rằng mình phải thấy lỗi người để chỉ trích cho họ sửa, nếu không chỉ thì để họ quấy hoài sao? Thoạt nghe thấy như tốt lắm, nhưng nếu cứ thấy lỗi người hoài thì sanh tự cao ngã mạn, đó là cái bệnh lớn của người tu, đâu phải là người tốt!

Đản tự khước phi tâm, đã trừ phiền não phá. Chỉ nhìn lại mình để thấy tâm sai quấy lỗi lầm mà phá bỏ nó, luôn luôn lo dứt trừ phiền não để cho tâm được trong sạch. Được như vậy thì:

Tặng ái bất quan tâm, trường thân lưỡng cước ngoạ. Khi yêu ghét không bận lòng thì lúc đó duỗi thẳng hai chân ngủ một cách thoải mái. Sở dĩ chúng ta nằm xuống ngủ không được là vì nhớ người này, buồn người kia, trách người nọ, tâm tư cứ quay cuồng làm sao mà ngủ cho được. Tổ nói người thật tu thì hết khổ, còn người tu giả cứ thấy lỗi người hoài thì khổ hoài. Đâu quý vị kiểm lại mình coi, có ai đó làm cho quý vị buồn giận, tối lại quý vị ngủ có ngon không? Không. Buồn giận ngủ không ngon, thương ghét ngủ cũng không ngon. Tu là cốt đem lại sự an ổn cho mình và cho người. Nếu mình bất an thì mọi người cũng bất an lây. Thế nên phải buông xả hết thì mới có thể tiến tới chỗ an vui, khi mình được an vui thì người cũng được an vui lây, nếu mình cố chấp, phần mình đã khổ lại còn làm khổ lây người khác. Chúng ta tu thì phải nhớ đừng mang tâm trạng tìm lỗi người khác, mà phải luôn nhìn lại lỗi mình.

Bài tụng này Lục Tổ dạy chúng ta rất kỹ là phải thấy lỗi mình đừng tìm lỗi người. Nếu thấy lỗi người thì lỗi mình tới một bên rồi. Tu cốt yếu là trừ dẹp lỗi lầm của mình, phá sạch tâm phiền não, buông xả lòng yêu ghét, có như vậy mới thành thoi hết khổ. Thoạt nghe, chúng ta thấy như Tổ tiêu cực, thiên hạ làm quấy để mặc họ, mình không can thiệp sao? Đây Tổ dạy chúng ta một pháp tu để cho tâm hồn mình được cởi mở rộng rãi thêm lên, chứ không để cho ích kỷ hẹp hòi đi đến chỗ tiêu cực chán đời.

Sau đây là câu chuyện rất quen thuộc mà đa số Phật tử có tụng kinh Pháp Hoa đều biết. Bồ-tát Thường Bất Khinh thấy ai cũng có Phật tánh và sẽ thành Phật, ngài không thấy người nào dở cả nên đi đâu gặp ai ngài cũng nói: “Tôi không dám khinh các ngài, các ngài sẽ thành Phật.” Nếu thấy ai cũng sẽ thành Phật thì có khinh chê người nào đâu? Nhờ cái thấy đó nên Bồ-tát giáo hóa độ sanh từ đời này đến kiếp khác không chán. Như tôi nói ở trước, tri viên biết giống mít tốt sẽ cho trái quý, tự nhiên sốt sắng săn sóc mà không chán vì đặt hết hy vọng vào cây mít. Cũng vậy, Bồ-tát biết tất cả chúng sanh sẽ thành Phật thì còn gì mà sợ không lo giáo hóa cho họ được thành Phật. Tâm niệm của Bồ-tát thấy ai cũng có khả năng thành Phật. Phật là bậc Vô thượng giác mà ai cũng có thể làm được thì việc thường ai làm chẳng được! Vậy chúng ta hãy kiểm lại mình và nghĩ rằng chung quanh mình ai cũng trở thành người tốt, tốt bằng mình hoặc tốt hơn mình, thì mình đâu có chê chán ai, đâu có xa lánh ai. Nên cuộc sống giữa mình và mọi người có sự liên hệ giúp đỡ qua lại với nhau. Còn nếu mình thấy ai cũng xấu hết, chỉ có một mình mình hay, thì ai giúp mình được nữa? Do thấy một mình hay, nên khiến thiên hạ thấy lại mình là kẻ bướng kè gàn, kẻ kiêu mạn... Bởi thế, trên đường tu, người Phật tử chân chánh phải nhớ cho thật kỹ là đừng thấy lỗi người mà phải thấy lỗi mình và tìm cái hay của người. Cái hay nhất của con người là ai cũng có thể thành Phật. Phật quả là cái cao tốt mà thấy ai cũng có thể thành, thì chuyện thế gian, nếu hội đủ duyên tốt ắt họ sẽ thành công tốt.

Đâu chỉ một Bồ-tát Thường Bất Khinh thấy như thế, mà Phật đâu không từng nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Vì vậy mà ngài giáo hóa chúng sanh suốt bốn mươi chín năm không chán ngán. Kinh A-hàm cũng như kinh Hoa Nghiêm, có đoạn kể: Sau khi Phật thành đạo dưới cội bồ-đề, ngài nhìn xuống đầm sen, thấy có những hoa đang trổ tỏa hương thơm, có hoa đang còn búp, có hoa mới ngoi lên khỏi mặt nước, có hoa còn ở trong nước, có cái còn là ngó sen ở dưới bùn... Nhưng Phật kết luận rằng tất cả những hoa sen đó cái nào rồi cũng trở hoa thơm đẹp như nhau. Chúng ta thấy Phật nhìn đời hết sức lạc quan. Dù là hoa sen đang là cái ngó còn vùi dưới bùn hôi, mà ngài cũng thấy nó sẽ lên khỏi nước, trở hoa đẹp và có hương thơm. Cũng vậy, chúng sanh người đã tu hành tiến bộ khá ví như hoa sen vừa lên khỏi nước,

người đang tu hành nửa chừng ví như hoa sen còn nằm trong nước, người mới phát tâm tu ví như hoa sen vừa ra khỏi bùn, người chưa phát tâm tu ví như hoa sen còn ở dưới bùn. Nếu tu, tất cả đều sẽ thành Phật, do thấy như vậy nên đức Phật đem hết khả năng ra giáo hóa cho tất cả. Ngài giáo hóa rồi, còn dặn dò đệ tử sau này phải luôn luôn truyền bá đừng để cho ngọn đèn chánh pháp lu tắt. Chúng ta vì thấy mọi người xấu hết, nên có tâm trạng bi quan, tự nguyện kiếp sau xin không trở lại làm người, hoặc nguyện về Cực lạc làm dân Phật A-di-đà, chứ không trở lại cõi Ta-bà này, ngán con người lắm! Người ta sợ làm người là tại sao? Vì mọi người xấu ác hết, một mình ta tốt nên ở giữa đám người xấu ác này không chịu nổi, phải tìm chỗ có người tốt hơn để an ổn vui tươi. Người vừa khởi niệm đó đã là xấu rồi!

Phật dạy người có nhiều đức tính tốt hơn ta thì đó là bậc thầy ta, ta học những cái hay của họ. Người có cái dở hơn ta cũng là bậc thầy của ta, ta cũng học để tránh. Thầy hay, chúng ta học bắt chước, thầy dở, chúng ta học để tránh. Cũng vậy, khi phát tâm tu, người trợ giúp phương tiện để tiến là thiện tri thức, mà người làm chướng ngại để thử thách coi mình tiến tới đâu cũng là thiện tri thức. Người giúp phương tiện là kéo mình tiến lên từ từ, người thử thách giúp mình nhảy vọt; cả hai đều là người tốt giúp mình tiến, nên không có người nào để cho chúng ta chệch chán cả. Chỉ có chán cái hèn yếu của mình. Tu lẽ ra những chuyện nghịch ý trái lòng là phải thắng nó, mà thắng không được, để cho sân si nổi lên là dở, hãy tự chán mình, vì nói được mà làm không được. Hiểu như vậy, mới thấy chúng ta tu có tiến được hay không là do đặt cái nhìn đúng hay sai. Nếu nhìn không đúng thì việc tu hành cũng lệch luôn. Người phát tâm tu, không ai là không ngầm hứa chinh phục tham, sân, si. Đã ngầm hứa như vậy rồi, thì những cơ hội khơi dậy tham sân si là cơ hội tốt để cho chúng ta điều phục nó. Nếu chúng ta chưa điều phục được thì trách mình hay trách cơ hội? Phải tự trách mình còn yếu. Vậy mà đa số người tu gặp chướng duyên cứ trách thiên hạ, trách hoàn cảnh: Tôi tu mà thiên hạ phá tôi hoài, chứ không ngờ chính vì mình không thật *tu*, hoặc tu còn yếu không chuyển được cảnh rồi thôi chuyển lui sụt. Nếu nói theo đạo lý chân thật, thì thế gian này không ai phá mình cả, chỉ có mình phá mình. Vì tất cả cái hay, cái dở, cái tốt, cái xấu nó không bắt mình thành tốt hay thành xấu, mà chính mình mới thành tốt hay thành xấu. Người ta cứ đổ thừa bị tiền tài, sắc đẹp... nó cám dỗ tu không được. Tôi ví dụ có một Phật tử mới phát tâm tu, đi đường bỗng thấy một thỏi vàng rớt trên đất, liền động lòng tham lượm bỏ túi, từ đó tâm bất an, toan tính đủ chuyện hết. Bất an là do không điều phục được lòng tham, lòng tham nó quấy phá mất thanh tịnh mà đổ thừa vàng nó cám dỗ. Nếu thấy vàng thì thấy, đi cứ đi, không bận lòng thì có gì trở ngại? Để thấy rằng trong cuộc đời này không có cái gì ở bên ngoài hại mình bằng chính mình không làm chủ được tham sân si nơi mình. Đó là cái gốc của mọi tai họa. Nếu biết gốc của tai họa từ tham sân si ở nơi

mình thì phải thẳng tay mà điều phục nó, chứ không có kêu ca than trách người, cảnh. Nếu ngồi trách người trách cảnh, đó là người che lỗi mình, bào chữa cho mình.

Kinh Hoa Nghiêm, Phật có nói: “Tất cả chúng sanh đều đầy đủ đức tánh Như Lai, chỉ vì vô minh phiền não che khuất nên còn làm chúng sanh.” Vậy ai cũng có đức tánh như Phật hết, tuy hiện tại thân tướng chưa đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, nhưng rồi sẽ có, nếu chúng ta đủ lòng tin và nỗ lực tu rồi cũng sẽ được như Phật. Sở dĩ chúng ta còn luân hồi trong lục đạo thấy mình và Phật cách nhau quá xa là do vô minh phiền não che khuất. Nếu dẹp hết vô minh phiền não thì mình với Phật đâu có khác. Phật và Bồ-tát chỉ cho chúng ta con đường Niết-bàn rất cụ thể. Đó là: “Biết như thật điên đảo, không thọ tất cả pháp, nội tâm tịch diệt, đến Niết-bàn.” Ai biết như thật điên đảo thì không thọ tất cả pháp, nếu không thọ tất cả pháp thì nội tâm tịch diệt, nội tâm tịch diệt đó là Niết-bàn, không nghi ngờ. Nếu người không biết như thật điên đảo, điên đảo mà không biết điên đảo, thì thọ nhận tất cả pháp, tức là chấp tất cả pháp. Chấp tất cả pháp thì đi tới đấu tranh, mà đấu tranh là đau khổ. Vậy thấy như thật điên đảo là thế nào?

Điên đảo là lấy đầu làm đuôi, giả cho là chân, thấy trái ngược gọi là thấy điên đảo. Ví dụ: Được khen thì vui, bị chê thì buồn. Được khen thì vui, bị chê thì buồn, hợp lý quá tại sao nói là điên đảo? Lời khen chê là âm thanh vừa phát ra liền mất, nó không thật mà chấp nó là thật. Thứ nữa lời khen chê không nhất định. Chẳng hạn người tửu lượng thấp uống nửa lít rượu đã say túy lúy, khen người tửu lượng cao uống một lít không say là giỏi là hay. Còn người Phật tử giữ năm giới không uống rượu bị chê là người bồng xěn không biết ăn chơi. Nếu qua lời khen đó mà vui, qua lời chê đó mà buồn là điên đảo. Vì cái không đáng buồn mà buồn, không điên đảo là gì! Cái không đáng khen mà khen, khen để đi tới chỗ chết. Cái khen đó là hại tại sao lại mừng? Lời khen chê không có giá trị thật mà tưởng lầm là thật đó là điên đảo. Điên đảo mà tự mãn với điên đảo nên rồi cứ đau khổ. Có cái khen cái chê nào là cứu cánh đâu? Nhóm người này khen mình lại cũng có nhóm khác chê mình. Khen chê tùy chỗ, tùy thời, tùy theo cái nhìn của mỗi người sai khác. Nó không có lẽ thật, mà mình chấp là thật, đó là sai lầm. Tiếng nói đã không thật, giá trị khen chê cũng không thật, hai cái không thật mà tưởng là thật, không điên đảo là gì? Do không biết như thật điên đảo nên mới chấp nhận các pháp, khen thì vui nên giành được khen rồi dẫn tới đấu tranh, bị chê thì buồn nên nổi sân giận sanh đấm đánh lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau không có ngày cùng.

Ngay nơi cái điên đảo mà thấy đúng như thật, thì không chấp không tạo thêm tội lỗi, mà phát triển điều hay điều tốt. Chẳng hạn như biết thân này là vô thường, giả tạm không thật, tuy biết nó không thật, vẫn đem nó ra làm việc hữu

dụng cho đời, sống một ngày làm cho xứng đáng một ngày. Ngày mai còn làm nữa, ngày một còn làm nữa, làm hoài cho tới chết mới thôi, không chán. Nếu nghĩ thân nay còn mai mất làm chi cho mệt, ngồi chơi uống trà cho khỏe là tai họa! Cùng một sự việc mà thấy đúng thì cuộc sống có giá trị, đời vui tươi. Nếu thấy không đúng thì gây tai họa lớn không thể lường. Vì vậy, người học Phật chúng ta nương theo cái nhìn của Phật là thấy tất cả điên đảo đúng như thật, để không thọ nhận các pháp cho tâm được tịch diệt và đến Niết-bàn.

Niết-bàn đối với chúng ta gần hay xa và có ai không có quyền đến không? Ai cũng có quyền đến Niết-bàn với điều kiện như đã nói.

GẦN VÀ XA NIẾT-BÀN

Tất cả mọi người tu, ai cũng có ước nguyện được sanh về cõi Cực lạc hoặc nhập Niết-bàn vô sanh không còn luân hồi sanh tử. Nhưng tu thế nào mới gần và được Niết-bàn? Tu thế nào xa và không được Niết-bàn. Bài kệ sau đây của một tôn giả đệ tử Phật nói về việc gần và xa Niết-bàn:

*Thấy sắc niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tâm nhập và an trú.
Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do sắc sanh,
Tham hại tâm lớn mạnh.
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.*

Người đối với mọi hình sắc, vừa thấy liền khởi niệm say mê, rồi tác ý ưa thích nghĩ tưởng hình sắc, thế là lòng tham chìm đắm trong cảm thọ. Do tham đắm trong cảm thọ, nên tâm nhập vào sắc và an trú nơi sắc. Nếu tâm an trú nơi sắc thì cảm thọ của người ấy đối với sắc càng ngày càng tăng thêm. Nếu cảm thọ tăng thêm, thì có nhiều thứ phiền não tội lỗi do cảm thọ sắc mà sanh ra, như tâm tham, tâm hại càng ngày càng lớn mạnh. Nếu tham hại càng lớn mạnh thì tâm Bồ-đề bị lu mờ: Nghiệp chướng phiền não chất chồng, càng ngày càng xa Niết-bàn. Không những đối với sắc, đắm mê sắc có những cái hại như thế, mà đuổi theo thanh đắm mê thanh, đuổi theo hương đắm mê hương, đuổi theo vị đắm mê vị, đuổi theo xúc đắm mê xúc cũng có những cái hại tương tự. Càng ngày càng xa với Niết-bàn. Ngược lại thì gần với Niết-bàn:

*Không tham nhiễm các sắc,
Thấy sắc giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú,
Thấy sắc như thế nào?
Như vậy có cảm thọ,
Từ bỏ không tích lũy,*

*Chánh niệm hành trì vậy,
Như vậy không chứa khổ,
Được vậy gần Niết-bàn.*

Người thấy sắc không nhiễm sắc, tuy mắt thấy sắc mà tâm vẫn an trú trong chánh niệm nên không chạy theo cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ. Đã không chạy theo cảm thọ thì tâm không xâm nhập nơi sắc và không an trú nơi sắc. Thấy sắc như thế nào thì ghi nhận (thọ) như thế ấy. Không khởi tâm phân biệt thủ xả chấp trước, hằng ở trong chánh niệm thì phiền não trần lao khổ không dậy khởi. Người không phiền não không khổ đau là gần với Niết-bàn. Vậy, xa với Niết-bàn hay gần với Niết-bàn là do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc; nếu dính, kẹt, nhiễm trước thì xa Niết-bàn; không kẹt, không nhiễm trước, là gần với Niết-bàn.

Một hôm tôn giả Phú-lâu-na đến đức Phật đánh lễ, quỳ thưa:

- Bạch Thế Tôn, con muốn đến một chỗ vắng vẻ để tu. Xin Thế Tôn dạy cho con phương pháp tu đơn giản dễ nhớ, để con đến đó tu hành chóng đạt được đạo.

Phật dạy:

- Mắt thấy sắc không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết-bàn, tai nghe tiếng không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết-bàn, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm không nhiễm trước, không dính mắc là gần với Niết-bàn. Ngược lại, nếu nhiễm trước, nếu dính mắc là xa với Niết-bàn.

Tôn giả Phú-lâu-na vâng lời Phật dạy đi đến chỗ vắng vẻ để tu.

Phật dạy tu rất là đơn giản. Tại sao mắt thấy sắc nhiễm trước, dính mắc lại xa với Niết-bàn? Mắt của quý vị hiện thấy hình sắc, cái thấy đó có giống nhau không? Thế thường người đời hay nói: chính mắt tôi thấy, đó là sự thật. Theo quý vị thì mắt, tai thấy nghe có đúng sự thật không? Ví dụ có một nhóm người vào tiệm bán vải. Tiệm vải trưng bày nhiều xấp hàng cùng loại mà khác màu: nào xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tím... Khi chọn hàng mua, kẻ thì chọn màu trắng, người thì chọn màu lam, kẻ thì chọn màu vàng, mỗi người tùy theo sở thích của mình mà chọn mỗi màu. Người chọn màu trắng cho màu trắng đẹp, người chọn màu lam cho màu lam đẹp, người chọn màu vàng cho màu vàng đẹp. Mỗi người có mỗi nhận định, có mỗi sở thích khác nhau. Vậy màu nào đẹp thật? Nếu mỗi người mỗi chấp màu mình thích là đẹp nhất, thì có cãi lộn nhau không? Không đồng ý nhau khư khư với cái chấp của mình ắt sanh tranh cãi. Như vậy thấy sắc chấp chặt vào sắc thì sanh nhiễm trước, rồi bảo vệ cái mà mình chấp. Do bảo vệ cái chấp của mình, có ai nói khác với cái chấp của

mình thì chống đối... Từ chấp trước sanh sân hận, từ sân hận gây ra nhiều thứ phiền não khổ đau. Đã khởi phiền não sân hận làm sao gần Niết-bàn được?

Cái nghe cũng vậy, nhiều người cùng nghe một bài pháp, người thì khen đoạn này hay, kể chuyện quá hay, kể thì khen đoạn kia lý tuyệt. Còn người thì ngồi ngủ gục không biết hay. Cùng nghe một bài pháp người khen chỗ này, người khen chỗ kia, người thì không khen. Nếu người khen chấp chặt cái khen của mình là đúng thì có cãi lộn nhau không? Cái nghe của mỗi người có đến lẽ thật, có phải là chân lý không? Vì không phải là chân lý mà chấp chặt nên gây ra phiền não khổ đau, xa Niết-bàn.

Đến cái ngửi, thông thường hương thơm thì mũi ai cũng ghi nhận thơm, mùi hôi thì mũi ai cũng biết hôi. Tuy nhiên có cái người này khen thơm, người khác lại chê hôi. Chẳng hạn như người chưa từng ăn sầu riêng thì chê sầu riêng hôi, còn người quen ăn sầu riêng thì thích, khen sầu riêng thơm. Vậy mùi sầu riêng thơm hay hôi mà người khen thơm, người chê hôi? Thơm hôi tùy theo sở thích sai biệt của mỗi người, nó không cố định. Không định được thơm là đúng hay hôi là đúng. Nếu chấp chặt vào đó mà tranh cãi thì sân hận dấy khởi, bao nhiêu thứ phiền não khổ đau chất chồng, làm sao gần Niết-bàn được?

Thứ nữa là lưỡi nếm vị, vị nếm có giống nhau không? Cùng ăn một món mà người khen ngon kẻ chê dở. Chẳng hạn cô đầu bếp quen ăn mặn, thức ăn cô nấu vừa với khẩu vị của cô. Khi dọn cơm lên người khách xa ăn thấy mặn. Người nói mặn, người nói vừa ăn, ai nói đúng? Nếu người nói vừa ăn là đúng, thì người nói mặn trật sao? Nếu cần kiểm chứng thì ai là người làm chứng cho ra lẽ thật? Nếu người quen ăn nhạt xác chứng thì thức ăn của đầu bếp mặn, đầu bếp nấu ăn dở. Nếu người quen ăn mặn xác chứng thì thức ăn của người đầu bếp vừa ăn. Để thấy khẩu vị của mỗi người không giống nhau mà chấp chặt vào đó, sẽ sanh tranh cãi, tranh cãi thì đưa tới giận hờn phiền não khổ đau xa Niết-bàn.

Bây giờ tới thân xúc chạm. Thân xúc chạm cũng không giống nhau nữa. Ví dụ ở miền Nam Việt Nam, vào mùa đông người có thân hình mập mạp và người có thân hình ốm yếu cùng ở chung một phòng. Người có thân mập mạp cảm thấy vừa mát, còn người ốm cảm thấy lạnh buốt. Trong phòng có bao nhiêu cửa sổ người ốm đều đóng lại để giữ hơi ấm. Khi đóng cửa thì người mập cảm thấy nóng nực. Như vậy thì sao? Nếu đóng cửa thì người mập nóng, không đóng cửa thì người ốm lạnh run. Vậy xúc chạm của ai đúng? Người thấy lạnh đúng hay người thấy nóng đúng? Để thấy xúc chạm cũng không giống nhau, xúc chạm của người này người kia không chấp nhận, xúc chạm của người kia người này không chấp nhận. Vậy xúc chạm cũng không đúng lẽ thật. Đã không thật mà chấp chặt vào đó thì sanh tranh cãi buồn phiền với nhau, xa Niết-bàn.

Như vậy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chúng ta xúc chạm với sắc, thanh, hương, vị, xúc, mỗi người đều cho cái thấy của mình là đúng rồi chấp chặt vào đó, sanh tranh cãi với nhau gây bao nhiêu thứ phiền não cho nhau, nên cách Niết-bàn quá xa. Còn nếu không chấp chặt, không cho cái thấy biết của mình là đúng, không cho cái thấy biết của người khác là sai, thì không phiền não. Không phiền não thì gần với Niết-bàn.

Vậy xa Niết-bàn và gần Niết-bàn là tại đâu? Năm căn tiếp xúc với năm trần mà chấp chặt là xa Niết-bàn, ngược lại năm căn tiếp xúc với năm trần mà không đuối theo, không chấp chặt là gần với Niết-bàn.

Thuở xưa ở xứ Ba-la-nại, quốc vương nước này sanh ra một trăm người con. Vị hoàng tử út thâm nghĩ rằng: Mình là con thứ một trăm, ngai vàng mà vua cha truyền lại không bao giờ đến mình. Người được nối ngôi là anh cả. Nếu anh cả có chết thì anh hai, anh ba... nên Hoàng tử cầu nguyện với các bậc hiền thánh chỉ cho một quốc độ mà Hoàng tử có thể tìm đến để làm vua. Lòng ước nguyện của Hoàng tử được cảm ứng. Một vị Phật Bích-chi đến bảo rằng:

- Cách nước người một trăm dặm, người qua xứ ấy sẽ được làm vua. Nhưng từ đây tới đó phải qua một khu rừng có quỷ la-sát. Đa số người qua rừng này đều bị quỷ ăn thịt, ít ai qua khỏi. Nếu qua khỏi thì chắc chắn được làm vua. Và muốn qua khỏi khu rừng đó không bị quỷ la-sát ăn thịt thì tất cả những gì mà quỷ hiện ra để quyến rũ dụ dỗ phải từ chối hết. Cứ thẳng tới trước mà đi thì không bị hại. Nếu mắc kẹt ở đó nhất định sẽ bị quỷ la-sát ăn thịt.

Hoàng tử nghe vị Phật Bích-chi nói như thế liền xin phép vua cha để đến xứ ấy. Khi chuẩn bị hành lý thì có một số bạn bè thân mến xin đi theo. Hoàng tử nói rằng:

- Con đường này hiểm trở lắm, các anh đi, e dọc đường quỷ la-sát ăn thịt. Tôi không dám rủ các anh đi.

Những người bạn nói rằng:

- Anh đi được thì chúng tôi đi được. Anh hãy cho chúng tôi cùng đi. Có gì chúng tôi cam chịu.

Hoàng tử nghĩ nếu không cho các bạn đi là mình ích kỷ, nên tùy thuận để cho các bạn cùng đi. Có năm người cùng đi theo Hoàng tử.

Qua khỏi ranh giới bốn quốc thì tới một khu rừng già. Tới đây đoàn người lữ hành đi đường xa đã thấm mệt, bỗng một quán rượu hiện ra, người bán thì đẹp, rượu và đồ nhắm thơm ngon. Trong đoàn có người đã quen uống rượu, nên bị mùi rượu kích thích. Anh bèn xin dừng lại uống rượu rồi sẽ đi sau. Hoàng tử cảnh cáo:

- Không được, coi chừng quỷ la-sát nó hiện ra đó, anh ở lại nó ăn thịt anh.

Người thích rượu trả lời:

- Không hề gì, tôi uống xong đi liền.

Người ấy vô quán rượu, đoàn của Hoàng tử cứ đi. Người thích uống rượu say, bị quỷ la-sát ăn thịt.

Đoàn Hoàng tử đi thêm một đoạn đường dài khá xa, mọi người đều mỏi mệt. Trước mặt hiện ra một ngôi nhà thật đẹp, trong nhà có nhiều cô gái nhan sắc kiều diễm. Đoàn người đi ngang, một cô chạy ra mời vào nhà nghỉ cho khỏe rồi hãy đi. Trong đoàn có một anh háo sắc, thấy gái đẹp động tâm. Hoàng tử không bằng lòng dừng lại, tiếp tục dẫn đoàn đi... Anh háo sắc nói:

- Các anh hãy đi, tôi ở lại nghỉ một đêm, rồi mai tôi theo sau cũng được.

Hoàng tử cảnh cáo:

- Anh ở lại coi chừng quỷ la-sát nó ăn thịt anh.

Anh háo sắc không nghe lời Hoàng tử, cứ làm theo thị hiếu của mình, anh ở lại nghỉ một đêm, khuya bị quỷ la-sát ăn thịt. Đoàn Hoàng tử lại đi thêm một đoạn đường dài nữa. Người trong đoàn hết sức mệt mỏi. Trước mặt lại có ngôi biệt thự hiện ra, từ biệt thự vang ra những tiếng ca véo von với điệu nhạc du dương. Và một cô gái ra mời đoàn người vào nhà uống trà nghe nhạc. Trong đoàn có anh mê âm nhạc, nên xin ở lại uống trà nghe âm nhạc.

Hoàng tử không bằng lòng can ngăn:

- Không được, anh ở lại sẽ bị quỷ la-sát nó ăn thịt.

Nhưng anh mê âm nhạc không nghe, dứt khoát ở lại uống trà nghe nhạc. Tôi đến bị quỷ la-sát ăn thịt.

Đoàn người còn lại vẫn tiếp tục đi, đi được một quãng đường khá dài, lương khô gần cạn, bụng đang đói cồn cào. Trước mặt hiện ra một quán cơm với mùi thức ăn chiên, kho... bay thơm ngào ngạt. Trong đoàn có anh xấu bụng đói, nghe mùi thức ăn thơm ngon anh chịu không nổi xin ở lại ăn cơm. Hoàng tử không đồng ý, khuyên cáo rằng:

- Không được, anh ở lại quỷ la-sát sẽ ăn thịt anh.

- Kê, ăn thì ăn, tôi ở lại, đói quá rồi.

Anh ở lại ăn no nê rồi thì quỷ la-sát nó ăn thịt anh. Người thích rượu ngon, người ưa sắc đẹp, người ưa âm nhạc, người thích cao lương mỹ vị đi không được, nên bị quỷ la-sát ăn thịt hết rồi! Trong đoàn chỉ còn lại một người với hoàng tử. Cả hai tiếp tục đoạn đường còn lại, đi được khoảng hai phần ba đường thì một biệt thự khang trang hiện ra, trong nhà có một góa phụ với một số tỳ nữ hầu hạ. Góa phụ ra đón mời hai người với lời giới thiệu ngôi biệt thự

đầy đủ tiện nghi nào chẵn êm, nệm ấm, không thiếu món gì. Người bạn còn lại trong đoàn quá mỏi mệt, nghe nói nhà ở đầy đủ tiện nghi, anh thích quá nên ngỏ ý ở lại nghỉ một đêm, Hoàng tử ngăn:

- Không được, anh ở lại sẽ bị quỷ la-sát nó ăn thịt.

- Không sao, tôi nghỉ một đêm rồi sẽ tiếp tục đi.

Thế là tối đêm đó quỷ la-sát ăn thịt anh. Chỉ còn lại một mình Hoàng tử tiếp tục cuộc hành trình. Ngài biết năm người bạn đồng hành với ngài, đều bị quỷ la-sát ăn thịt hết rồi. Ngài hết sức là dè dặt cảnh giác. Còn lại một mình ngài đi đến cuối bìa rừng thì thấy một căn nhà, trong nhà có hai vợ chồng trẻ đang gây lộn đánh lộn nhau. Cô vợ rất đẹp, bị chồng đánh, cô kêu ca, cầu cứu. Tuy thấy cảnh thương tâm, nhưng hoàng tử không dám tới cứu, sợ quỷ la-sát gạt, cứ làm lủi mà đi. Cô vợ kêu cầu Hoàng tử cứu không được, thấy Hoàng tử đi, cô chạy theo năn nỉ:

- Xin Ngài cứu tôi, chồng tôi nó hung dữ đánh đập tôi, tôi khổ lắm, Ngài có lòng từ bi đâu để tôi khổ...

Nếu là người hùng, gặp cảnh thương tâm nhảy ra cứu giúp. Song, Hoàng tử biết quỷ la-sát trá hình để gạt ngài. Nên ngài không nói gì hết, cứ làm lủi mà đi, nó cũng cứ đi theo ngài mãi. Khi ngài tới nơi, vào trọ nhà khách của quốc vương xứ ấy. Những người quản lý nhà khách quý trọng ngài và cấp báo cho vua hay là có một khách quý từ nước láng giềng đến. Vua nghe cũng quý trọng, dẫn bá quan đến thăm ngài. Khi gặp ngài, nhà vua lại thấy bên cạnh ngài có một cô gái thật đẹp, làm vua động tâm, nên mới hỏi:

- Người đàn bà theo khanh có phải là vợ khanh không?

Hoàng tử đáp:

- Cô này chắc là quỷ la-sát, chứ không phải vợ của hạ thần.

Người đàn bà nói:

- Đàn ông bội bạc, khi thương nói vợ chồng, chùng giận nói quỷ la-sát.

Nhà vua không biết cô ấy là vợ Hoàng tử hay quỷ la-sát. Song, vì cô quá đẹp nên nhà vua mê mẩn tâm thần, hỏi lại một lần nữa để xác định:

- Cô này có phải là vợ của khanh không?

Hoàng tử khẳng định dứt khoát:

- Không phải vợ của hạ thần, cô là quỷ la-sát.

Người đàn bà ấy cũng nói:

- Đàn ông bội bạc, khi thương nói vợ chồng, chùng giận nói quỷ la-sát.

Nhà vua quá sủng ái nàng, mới nói với Hoàng tử:

- Nếu không phải vợ khanh thì trăm rước nàng về cung.

Hoàng tử lại một lần nữa nói:

- Tâu bệ hạ, coi chừng cô ta là quỷ la-sát.

Nhà vua truyền lệnh rước nàng về cung.

Tối đêm đó nhà vua bị quỷ la-sát ăn thịt, chỉ còn để lại một bộ xương. Bấy giờ nước không có vua, bá quan mới nghĩ: Vị khách quý này là một hoàng tử của nước láng giềng, qua được đường rừng la-sát mà toàn tính mạng, phải là người tài đức phi thường. Nay vua nước mình băng hà, nên thỉnh khách quý lên ngôi báu. Hoàng tử thứ một trăm lên làm vua, đúng như lòng nguyện ước của ngài và lời dạy của Phật Bích-chi.

Chuyện này ngụ ý dạy cái gì? Ngồi vị ông vua ngầm chỉ cho Niết-bàn thanh tịnh, riêng quỷ la-sát chỉ cho ngũ dục lạc thế gian. Người bị quỷ la-sát ăn thịt dụ cho người tu đắm chìm trong ngũ dục, tâm thần mê muội, thoái tâm Bồ-đề không tiến đạo được. Người tu muốn được Niết-bàn giải thoát thì đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc phải xa lìa, chớ có đuổi theo, chớ có nhiễm trước dính mắc. Ngược lại, đối với năm trần mà đuổi bắt, chấp trước thì khó mà đến Niết-bàn. Niết-bàn càng ngày càng xa.

Trong kinh Tạp A-hàm, Phật đưa ra một ví dụ. Có một tội nhân phạm pháp bị án tử hình. Sau đó vua xét lại, tha anh với điều kiện là anh phải bung đĩa dầu đầy, đi từ đầu đường đến cuối đường, không để rơi một giọt dầu thì sẽ khỏi tội chết. Nếu bất cẩn để đĩa dầu chao, dầu đổ chỉ một giọt thì tên đao thủ đi sau liền chém đầu anh. Anh tội nhân được tha với điều kiện đó, mừng lắm, chấp nhận ngay. Trên đường đi từ đầu đường đến cuối đường, hai bên lề chỗ nào cũng có gái đẹp, quán rượu, quán nhạc, đủ trò ăn chơi hấp dẫn. Anh tử tội chăm chăm bung đĩa dầu đi, không dám nhìn qua liếc lại, vì biết sau lưng mình có tên đao thủ đi theo, hớ hênh một chút, dầu đổ thì bay đầu. Với tâm trạng đó anh đi từ đầu đường cho tới cuối đường, dầu không đổ, anh thoát chết. Câu chuyện này ý nói gì? Anh tử tội là chỉ cho con người, ai ai rồi cũng phải chết, người già thì khoảng bảy tám mươi tuổi chết, người trung niên thì năm sáu mươi tuổi chết, người trẻ thì đôi ba mươi tuổi chết... trước sau gì cũng chết. Gái đẹp, quán rượu... những trò ăn chơi hấp dẫn chỉ cho ngũ dục lạc thế gian. Đĩa dầu đầy dụ cho pháp tu mà Phật dạy. Người tu Tịnh độ câu niệm Phật ví như đĩa dầu, không bao giờ dám quên. Người tu Thiền, an trụ tâm trên hơi thở, trong Tứ niệm xứ... không bao giờ dám lơ lửng. Tên đao thủ đi sau lưng người tử tội, chỉ cho quỷ vô thường đang chực sẵn cướp lấy mạng sống con người. Người tu biết rõ mọi thú vui của ngũ dục tuy hấp dẫn nhưng sẽ làm hại con người, làm cho con người hao mòn sức lực, sanh bệnh hoạn... không có giá trị

thật nên không nhiệm trước nó. Muốn thoát khỏi cái khổ vô thường sanh tử là phải an trú tâm vào pháp tu mà mình đang thực hành, không dám xao lãng.

Quý vị có thấy quý vô thường rình quý vị không? Khi nhớ thì thấy, khi quên thì không, vì vậy mà nhìn qua ngó lại hoài nên tu hành không tới nơi.

Gần đây có một Phật tử hỏi tôi:

- Thầy cất chùa có coi ngày không?

Tôi đáp: - Không.

- Nếu gặp ngày sát chủ thì sao?

- Vậy Phật tử có biết ngày nào không sát chủ, cất chùa lên thầy trụ trì sống mãi mãi không chết?

- !!!

Đã có sanh ắt phải có tử, không chết sớm là chết muộn, trước sau gì cũng chết. Trên đời này có ai khỏi chết đâu! Tại sao cứ lo sợ hoài? Cái đáng sợ là pháp tu mà mình quên mình xao lãng, để cho tâm xao xuyên loạn động, phiền não ngăn che không thoát được luân hồi sanh tử. Muốn đến chỗ giải thoát thì phải chuyên nhất, an trú tâm trên pháp tu của mình, không quên, không lơ lửng thì tâm mới an định. Tâm an định mới thoát ly sanh tử, không bị sanh tử chi phối. Bài kệ sau đây nói lên ý nghĩa người tu an trú tâm nơi pháp tu, cũng giống như kẻ tử tội bung bát dầu:

Như người bung bát dầu

Đầy tràn không cho đổ

Cũng vậy, bảo vệ tâm

Như đi phương hướng lạ.

Như vậy, tu muốn giải thoát, dễ hay khó? Người ta cứ nghĩ tu phải có pháp môn gì kỳ đặc mới giải thoát được. Kỳ thật không phải vậy. Chỉ cần năm căn tiếp xúc với năm trần không nhiệm trước, không dính mắc là giải thoát.

Trở lại câu chuyện tôn giả Phú-lâu-na, sau khi Phật dạy năm căn không dính với năm trần là gần Niết-bàn. Còn năm căn dính với năm trần là xa Niết-bàn. Ngài hỏi tiếp:

- Ông đi đến quốc độ nào?

- Bạch Thế Tôn, con qua nước phương tây.

- Dân xứ đó hung dữ lắm, ông tới đó nếu họ mắng chửi nhục mạ, thì ông sẽ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu người ta chửi mắng nhục mạ con, con nghĩ rằng dân xứ này còn lương thiện, vì họ mới chửi mắng nhục mạ chứ chưa dùng tay đánh, chưa dùng đá ném con.

- Giả sử họ dùng tay đánh, dùng đá ném ông, thì ông thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng tay đánh, họ dùng đá ném, con nghĩ rằng dân xứ này vẫn còn lương thiện, vì mới dùng tay đánh, dùng đá ném, chưa dùng gậy đánh, chưa dùng dao chém con.

- Giả sử họ dùng gậy đánh, dùng dao chém ông thì ông thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng gậy đánh, dùng dao chém thì con nghĩ rằng họ còn lương thiện, vì họ chưa giết con chết.

- Nếu họ giết ông, thì ông thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ giết con, thì con nghĩ rằng dân xứ này tốt, vì đệ tử của Phật khi thấy thân này ô uế bất tịnh chán ngán nó, phải tìm người giúp cho nó chết. Còn con không mượn mà họ giúp giùm con bỏ thân ô uế này.

- Lành thay! Ông có đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh, thì ông đến xứ ấy được.

Tôn giả Phú-lâu-na qua xứ ấy, chỉ tu trong ba tháng an cư thì chứng quả A-la-hán và độ được năm trăm người xuất gia.

Tôn giả Phú-lâu-na thực hiện đúng như lời Phật dạy là sáu căn không dính mắc với sáu trần làm căn bản, cộng thêm thái độ không giận hờn, không oán thù, trước mọi đối xử tệ hại của người nên ngài chóng đến Niết-bàn. Hiện tại nếu có người mắng chửi hay đánh đập, chúng ta nhin họ, nhưng trong tâm nghĩ đây là kẻ ác, ráng mà nhin nó. Nhin mà thấy đó là kẻ ác, không phải là người lương thiện... Còn tôn giả Phú-lâu-na thì ngài thấy là lương thiện vì mới chửi mắng chứ chưa đánh đập, bị đánh đập ngài cũng thấy là lương thiện vì chưa giết chết. Khi giết chết ngài cũng nghĩ là lương thiện vì giúp ngài sớm bỏ thân ô uế. Hại tới chết ngài vẫn không oán hận. Còn chúng ta nếu bị người bức hiếp, không đánh trả lại, không nói ra lời, chứ tâm còn buồn phiền hờn giận, lúc nào cũng có chứa phiền chứa giận, nên tu lâu mà không đắc đạo là vậy. Thế nên quý Phật tử tu hành, điều cốt yếu phải hiểu giáo lý đúng với tinh thần Phật dạy là sáu căn không dính với sáu trần, đó là gốc của sự tu hành.

Từ trước tôi dẫn kinh A-hàm. Sau đây tôi dẫn kinh Đại thừa, trong kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm?

Phật trả lời:

- Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

Nghĩa là chẳng nên khởi tâm dính mắc nơi sắc, nơi thanh, nơi hương, nơi vị, nơi xúc, nơi pháp, tức là không dính mắc với sáu trần, đó là an trụ tâm của người phát tâm vô thượng Bồ-đề. Thế nên Lục tổ Huệ Năng khi nghe Ngũ Tổ giảng tới đây ngài liền ngộ đạo nhận ra bản tâm của mình, thốt lên: “Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt...” Để thấy từ kinh A-hàm đến kinh Đại thừa, kể cả Thiên tông đều dạy sáu căn không dính mắc sáu trần là gần Niết-bàn, là giải thoát. Nếu để sáu căn dính mắc với sáu trần thì phiền não triền phược xa Niết-bàn, không giải thoát, đừng tưởng đi chùa nhiều, tụng kinh giỏi là mau giải thoát. Người tu phải hiểu rõ điều này.

Buổi nói chuyện hôm nay tuy tôi dẫn nhiều câu chuyện, nhưng trọng tâm không ngoài việc, sáu căn tiếp xúc với sáu trần không nhiễm trước không dính mắc, lúc nào tâm cũng an trú nơi pháp tu, không quên, không lợi lỏng là gần Niết-bàn, là giải thoát.

ĐÂU LÀ CHÂN HẠNH PHÚC

Tất cả chúng ta có mặt trên trần gian này, ai cũng mơ ước sống một cuộc đời hạnh phúc, chẳng ai muốn cuộc đời mình bất hạnh. Thế nên mỗi năm vào ngày mừng một tết gặp nhau đều chúc nhau một năm hạnh phúc. Hạnh phúc là điều mình mơ ước và mọi người chúc tụng, vậy quý vị sống có được hoàn toàn hạnh phúc không? Không. Tại sao mơ ước hạnh phúc và chúc tụng nhau hạnh phúc mà không được hạnh phúc? Ngay trong cuộc sống này có ai dám vỗ ngực tự xưng rằng mình hoàn toàn hạnh phúc không? Nếu có, chỉ có chút ít thôi, mười phần chỉ được một hai, chứ không được trọn vẹn. Hạnh phúc là gì mà ai cũng mơ ước chúc tụng cho nhau?

Ví dụ đi lỡ đường, bụng đói cồn cào, lúc đó được bữa cơm ngon miệng, no lòng, đó là hạnh phúc. Giả sử thân đang bị rét lạnh được áo len mềm nỉ thì thân được ấm, không còn rét run nữa, đó là hạnh phúc. Hạnh phúc là cái người đời thấy khi đói được ăn no, khi lạnh được sưởi ấm... Tóm lại, hạnh phúc không ngoài mắt thấy được sắc đẹp, tai nghe được âm thanh hay, mũi ngửi được mùi hương thơm, lưỡi nếm được vị ngon, thân xúc chạm được vật êm ấm. Những cái ưa thích của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân được toại nguyện là hạnh phúc chứ gì? Vậy năm căn tiếp xúc với năm trần được thỏa mãn đó là hạnh phúc. Ở đây tôi chỉ nói riêng lỗ tai thôi, hằng ngày lỗ tai thường được nghe tiếng êm dịu hay cũng có khi nghe lời thô bỉ cộc cằn? Có khi được khen, có lúc cũng bị chê. Song, chê nhiều hơn khen. Như vậy, muốn được hưởng những âm thanh vừa với lỗ tai thì ít, mà trái với lỗ tai thì nhiều. Muốn được tất cả mọi người đều khen thì dễ hay khó? Như Phật là bậc toàn giác mà có được khen hoàn toàn đâu? Trên thế gian này ai là người được khen hoàn toàn? Hễ có khen thì liền bị chê, khi khen thì vui tươi là hạnh phúc, lúc chê thì buồn khổ là bất hạnh. Cũng vậy, mũi ngửi mùi hôi nhiều hơn mùi thơm, lưỡi nếm vị dở nhiều hơn vị ngon, mắt thấy sắc xấu nhiều hơn sắc tốt, thân xúc chạm vật bất như ý nhiều hơn như ý. Kiểm lại thì con người bất hạnh nhiều hơn là hạnh phúc, nên ai cũng tự than là khổ, không ai thấy mình sống thật hoàn toàn hạnh phúc cả. Tại sao vậy? Vì cái mà mình cho là hạnh phúc đó là do căn tiếp xúc với trần sanh cảm thọ vui là tướng vô thường, âm thanh êm dịu tai nghe thoáng qua rồi mất, vị ngon lưỡi vừa nếm nuốt qua khỏi cổ cũng không còn... Tất cả cái mà con người thọ hưởng đó bản chất nó là vô thường, hễ vô thường thì tạm bợ, nên vừa thấy hạnh phúc đó liền mất, muốn giữ lại mà không được, vì vậy mà cảm thấy khổ. Tất cả những cái mà con người cho là hạnh phúc chỉ có giá trị tạm thời, không lâu bền chắc thật. Sau đây Phật dùng ví dụ để chỉ cho mọi người thấy rõ hạnh phúc trần gian là tạm bợ.

Xưa có một vị vua và hoàng hậu lớn tuổi mới sanh được một nàng công chúa, nên hết mực cưng chiều. Vì quá cưng chiều nên công chúa rất nhõng nhẽo. Một hôm trời mưa nước đọng lại trên mái nhà, rơi xuống hồ nước, khiến cho bong bóng nước nổi lên mặt hồ, ánh nắng mặt trời chiếu rọi bong bóng nước óng ánh rất đẹp. Công chúa nhìn thấy bong bóng nước óng ánh, cô thích quá bèn nghĩ: Nếu được một xâu chuỗi bằng bong bóng nước như thế để đeo thì tuyệt đẹp. Nghĩ vậy, rồi cô vô phòng nằm trùm chăn từ sáng đến chiều. Hoàng hậu thấy vắng đi tìm, thấy cô nằm im trùm chăn, bà nghĩ cô bệnh, cuống quýt hỏi han đủ điều, hỏi mãi mà cô vẫn làm thinh không trả lời. Hoàng hậu báo tin cho vua hay, vua đến thăm hỏi, cô cũng không trả lời. Năn nỉ tới chiều cô mới nói nhỏ nhỏ rằng:

- Nếu có xâu chuỗi bằng bong bóng nước đeo thì con sẽ mạnh, nếu không có xâu chuỗi ấy chắc là con chết.

Vua nghe hoảng hốt, nếu công chúa chết thì nhà vua sẽ khôn khổ vô cùng. Vua bèn ra lệnh cho bá quan tìm người xâu bong bóng nước thành chuỗi cho công chúa đeo và hứa sẽ thăng quan trọng thưởng cho người xâu. Quý vị có dám lãnh trách nhiệm làm việc đó không? Không. Như vậy, mà có một ông già tới xin nhận trách nhiệm đó. Vua đưa ông tới chỗ công chúa ở. Bây giờ cô vẫn còn nằm. Vua giới thiệu ông già với công chúa:

- Đây là người xâu chuỗi bong bóng nước, ông có biệt tài xâu chuỗi rất đẹp, cha sẽ nhờ ông xâu cho con một xâu chuỗi như ý con muốn, vậy con hãy ngồi dậy.

Công chúa nghe mừng quá liền trỗi dậy, ông già chậm rãi nói:

- Tôi chuyên nghề xâu bong bóng nước, bây giờ công chúa hãy ăn uống trở lại đi, sáng mai tôi sẽ xâu cho công chúa một xâu chuỗi bong bóng nước.

Công chúa vui mừng ăn uống bình thường. Sáng hôm sau, công chúa, nhà vua, hoàng hậu và ông già xâu chuỗi cùng ra trước thềm, trên mặt hồ vẫn có những hạt bong bóng nước nổi lóng lánh. Mọi người nhìn bong bóng nước, ông già bèn than:

- Tôi chuyên nghề xâu bong bóng nước làm chuỗi, song rất tiếc, tôi già cả, hai mắt sờ sệt e thấy không rõ. Vậy công chúa hãy lựa cái bong bóng nào thật đẹp vừa ý đưa tôi xâu cho.

Công chúa mừng rỡ, chờ giọt nước rơi xuống, bong bóng nước nổi lên, liền đưa tay vớt, nhưng bong bóng nước vừa lên khỏi mặt nước là bể tan. Từ sáng tới trưa vớt không được cái bong bóng nước nào hết. Công chúa mệt mỏi chán nản xoay qua nhà vua nói:

- Thưa cha, thôi, bây giờ con không thèm xâu chuỗi bong bóng nước nữa.

Nhà vua gật đầu:

- À, thì cha sẽ cho con khâu chuỗi kim cương.

Bong bóng nước dụ cho hạnh phúc ở trần gian, xa nhìn thì thấy nó đẹp lắm nhưng vừa nắm bắt được là nó tan mất, vì nó vô thường. Thế nên người tìm hạnh phúc trong ngũ dục, suốt đời không bao giờ được thỏa mãn. Công chúa dụ cho mọi người chúng ta. Cả cuộc đời đuổi theo hạnh phúc rốt cuộc rồi lại tay không, không ai là người tự hào rằng mình hưởng hạnh phúc trọn vẹn, vì hạnh phúc mà chúng ta mơ ước, vừa chạm tới là nó tiêu tan. Vì cái mà con người mơ ước trông chờ là cái vô thường không chân thật. Thế nên vừa chạm tới là nó vượt khỏi tầm tay, không ai nắm giữ nó lâu bền. Nhà vua dụ cho đức Phật, khi nào con người chán chê hạnh phúc trần gian tạm bợ, Phật liền chỉ cho hạnh phúc chân thật, ở đây dụ cho khâu chuỗi kim cương. Ví dụ cho chúng ta thấy rằng công chúa đòi cái việc không đáng đòi. Cũng như con người mong mỏi mơ ước cái tạm bợ giả dối, để cả cuộc đời đeo đuổi nắm bắt, rốt lại chỉ thấy mỗi mệt nhọc nhằn. Hạnh phúc của trần gian là như vậy! Nếu biết trở về với đạo chúng ta sẽ có được cái hạnh phúc chân thật.

Nói đến hạnh phúc của đạo Phật, tôi xin nhắc qua hình ảnh Bồ-tát Di-lặc. Quý vị thấy tượng Bồ-tát Di-lặc có lúc nào buồn không? Ngài cười hoài. Tượng Di-lặc có hai: một tượng thì Bồ-tát Di-lặc ngồi một mình, thân mập mạp bụng to miệng cười toe toét. Còn một tượng ngài ngồi với sáu đứa bé, đứa thì móc lỗ tai, đứa thì móc lỗ mũi, đứa thì móc con mắt, đứa thì chọc lét... Chúng nó làm gì mặc nó, ngài vẫn cười. Còn chúng ta những cái đẹp mắt, vui tai, vừa miệng... thì vui mừng cho là hạnh phúc, còn ngược lại thì khó chịu bực bội cho là bất hạnh. Bồ-tát Di-lặc miệng bị móc, tai bị chọc, mũi bị kéo... Việc làm đó của đám trẻ là vừa ý ngài hay không vừa ý mà ngài vẫn cười? Chúng ta thì vừa ý mới cười, không vừa ý thì bực tức nên cái vui rất giới hạn, buồn nhiều hơn vui. Bồ-tát Di-lặc lúc nào cũng vui cười, vì mọi thuận nghịch đối với sáu căn của ngài đều không trở ngại, không buồn khổ.

Bồ-tát Di-lặc tu hạnh gì mà được phước báu vui cười như thế? Kinh nói Bồ-tát Di-lặc chuyên tu về pháp môn Duy thức quán. Song, nói theo hạnh thông thường thì ngài tu hạnh tùy hỷ và hỷ xả. Tùy là theo, hỷ là vui, xả là buông bỏ - vui theo và vui bỏ. Có một số chùa có để thùng phước sương, trên thùng ghi hai chữ tùy hỷ. Thấy người ta cúng mình tùy hỷ cúng theo, thấy người ta làm việc tốt mình tùy hỷ vui theo. Song, hiện tại chúng ta thấy người giàu có sang trọng hơn mình, có danh vị cao hơn, mình tùy hỷ hay đố kỵ? Chẳng hạn mình mặc áo rách thấy người mặc gấm vóc lụa là mình vui hay buồn? - Hơi buồn! Mình ở nhà trệt thấy người ở nhà lầu, mình vui hay buồn? - Hơi buồn! Buồn là đố kỵ không tùy hỷ. Bồ-tát Di-lặc do lòng từ bi thấy cái khổ của chúng sanh như cái khổ của mình, thấy cái vui của chúng sanh như cái vui của mình. Nên

thấy ai được điều gì tốt ngài đều vui. Người biết tu hạnh tùy hỷ thấy ai hơn mình là mình vui, chẳng hạn thấy người có sắc vóc, tinh thần tươi đẹp cao thượng hơn mình, mình tùy hỷ nói: Mừng cho anh chị có nhiều phước báu được sắc diện tươi sáng, tinh thần thanh cao. Thấy người đi xe mới đẹp, mình tùy hỷ nói:

Mừng cho anh chị làm ăn phát đạt hưng thịnh. Như vậy là mình vui cả ngày không buồn và còn được người thương mến nữa. Ngược lại thấy người ta tươi đẹp thanh cao hơn mình, mình buồn, khởi lòng đố kỵ, nói: Chị đó hay se sua chung diện làm duyên làm dáng... khiến người ta không ưa mình. Thấy người ta đi xe đẹp, mình không vui, sanh lòng đố kỵ nói: Anh đó làm phách khoe của... làm cho người ta ghét mình. Mình ở nhà trệt mái tôn, thấy người ta ở nhà lầu nhiều tầng cũng ghét chê người ta là hạng trọc phú... Nói như vậy cho bớt bực bội, cho thỏa mãn lòng ganh tỵ. Nếu gặp họ mà mình nói: Tôi mừng cho anh chị có được nhà rộng rãi đẹp đẽ. Người ta ở nhà đẹp mình ở nhà xấu mà vẫn vui. Mình có tâm tùy hỷ như vậy, có khi được họ mời vào nhà chơi nữa. Nếu mình ganh ghét đố kỵ cứ kiếm chuyện nói xấu, có khi bị người ta hại nữa là khác. Như vậy đố kỵ được lợi lạc hay tùy hỷ được lợi lạc? Phát tâm tùy hỷ chính mình được an lạc lại còn đem sự an vui cho mọi người. Ngược lại, đố kỵ thì bản thân mình bực bội và người khác cũng không vui thích, chỉ gây khổ cho mình cho người. Tùy hỷ không thiệt hại, không hao tiền tốn của chỉ thấy người ta được điều tốt đẹp hơn mình là mình vui theo vậy thôi. Việc làm không thiệt hại không tốn hao, lại được lợi ích, tại sao không làm? Còn đố kỵ thì tâm buồn phiền cau có, sanh bệnh hoạn, lại bị người ghét, mà cứ làm hoài!

Trong kinh Phật dạy: Người nào thấy ai làm điều thiện phát tâm tùy hỷ, thì người làm điều thiện được bao nhiêu công đức, người phát tâm tùy hỷ cũng được bấy nhiêu công đức.

Các thầy Tỳ-kheo lại hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, nếu công đức người phát tâm tùy hỷ bằng công đức của người làm thiện, như vậy công đức của người làm thiện có hao mòn, có bị chia bớt không?

Phật đáp bằng một ví dụ:

- Giả sử một cây đuốc đang cháy, có người đem cây đuốc khác tới mời lửa. Khi lửa cháy qua ngọn đuốc thứ hai thì ngọn đuốc thứ nhất vẫn cháy, ánh sáng vẫn nguyên vẹn không lu không tắt. Cũng vậy, công đức người làm thiện không bị hao mòn, không bị chia bớt.

Chẳng hạn người làm lành được một trăm công đức thì người tùy hỷ cũng được một trăm công đức. Người làm lành thì tổn công tổn của, còn người tùy hỷ không hao tổn gì hết sao công đức ngang bằng như vậy? Người phát tâm

làm thiện là họ xả lòng tham, nếu tham thì đâu có dám bỏ công của ra giúp người. Còn người phát tâm tùy hỷ, xả được tâm tật đố. Người thì xả lòng tham, người thì xả tâm tật đố. Cùng lìa bỏ được hai tật xấu như nhau nên công đức ngang nhau. Quý vị nghĩ có nên tu hạnh tùy hỷ không? Thật nhẹ nhàng, không tốn hao gì hết, rất dễ, chỉ cần vui theo là được. Như vậy cả ngày vui hoài và ai cũng thương mến.

Bồ-tát Di-lặc tu hạnh tùy hỷ nên ngài vui mãi, còn chúng ta đang làm hạnh gì mà khổ hoài vậy? Có phải chúng ta cứ để lòng ích kỷ tật đố dấy khởi hoài không? Bây giờ chúng ta tập sống với tâm tùy hỷ là bỏ được lòng tật đố ích kỷ, thì sẽ được vui như Bồ-tát Di-lặc.

Bồ-tát Di-lặc lại còn tu hạnh hỷ xả nữa. Tất cả chúng ta đây ai cũng có giận người, không giận mười người cũng giận năm, ba người. Mỗi khi giận ai, trong lòng quý vị cảm thấy nóng hay mát? Nóng. Nóng là lửa sân. Chúng ta thấy cái cây mà lửa cháy nám hoài thì cây đó khô. Cũng vậy, người nào sân nhiều thì người đó hóc hác khô gầy, dễ sanh bệnh hoạn. Mỗi lần nổi sân lên thì mặt quạu mắt đỏ, hiện ra tướng hung dữ ai cũng sợ, ai cũng ghét, tự mình thì ray rứt bực tức khó chịu. Có người nói tôi giận ông nọ bà kia suốt đời cũng không quên. Suốt đời ôm sân hận phiền não, làm sao an vui được? Đừng tưởng giận lâu là tốt là hay! Người ôm sân giận là người chứa lửa. Giả sử quý vị có lỡ giận người nào, trong đêm ngủ có yên không? Trằn trọc không ngủ được, vừa chợp mắt chợp nhớ đến kẻ đó hại tôi như thế này hại tôi như thế nọ, gian xảo hỗn ầu như thế kia... bao nhiêu ý niệm oán thù dấy khởi, làm ran ngực nhức đầu không ngủ được, sáng ra mệt mỏi ăn không ngon, lâu ngày sanh ra đau bệnh rồi chết yểu. Như vậy, người chứa thù oán sân hận là người sáng suốt thông minh hay tối tăm dốt nát? Thật là mê mờ khờ dại. Vậy chúng ta nên tu hạnh hỷ xả, buông bỏ mọi oán hờn thù hận vì kiếp người sống không bao lâu, ôm ấp nó chỉ thêm khổ. Muốn sống được vui tươi hạnh phúc thì cái gì làm cho bực bội khổ đau phải xả bỏ, có xả bỏ tâm mới an ổn. Nếu lòng còn chứa chấp sân hận thì không bao giờ được an vui. Người thực hành hạnh hỷ xả, lòng không chứa chấp sân hận thì cả ngày an vui hạnh phúc, thân thể tráng kiện khỏe mạnh. Bồ-tát Di-lặc sở dĩ vui cười hoài là do ngài tu hạnh tùy hỷ và hỷ xả, nên người đời gọi ngài là con người hạnh phúc.

Quý Phật tử muốn được hạnh phúc như ngài phải tập tu hạnh tùy hỷ và hỷ xả. Tôi bảo đảm tu một tháng là được an vui một tháng, tu một năm là được an vui một năm, tu trọn đời là an vui trọn đời. Có nhiều Phật tử nói: Tôi đi chùa mười mấy năm nay, càng đi chùa nhiều chừng nào phiền não nhiều chừng nấy. Đi chùa mà phiền não là tại sao? Vì khởi tâm tật đố với người. Ví dụ tới giờ tụng kinh, thầy trụ trì bảo Phật tử A đánh chuông chủ lễ, Phật tử B không được đánh chuông chủ lễ thì buồn. Phật tử B đi chùa mà mang lòng đố kỵ, thấy người

hơn mình một chút là không vui bực bội, do đó mà phiền não. Nếu Phật tử B biết tu tùy hỷ thì tán thán Phật tử A chủ lễ nghiêm trang, cất giọng dễ tụng hòa âm tốt... Đi chùa với tâm niệm như thế thì làm gì có phiền não? Phật dạy đi chùa để tu cốt cho hết phiền não, được an vui chứ Phật đâu có dạy đi chùa để tăng thêm phiền não. Bây giờ Phật tử đi chùa mà phiền não tăng là do tu sai, chỉ lo nhìn người để cho lòng ích kỷ đố kỵ dấy khởi mà không biết vui theo hạnh lành, xả bỏ lòng đố kỵ. Như vậy, đi chùa mà phiền não tăng trưởng có xứng đáng là một Phật tử tu theo Phật chưa? Vậy Phật tử làm tốt cho Phật hay làm xấu cho Phật? Phật thì cứu khổ, Phật tử đi chùa cứ khổ thêm, tức là làm cho người đời chê bai Phật pháp. Đó là làm trái với mục đích mà Phật đã nhắm đã dạy chúng ta. Nên người Phật tử chân chánh khi nói đến đi chùa, nói đến tu hành là phải buông xả phiền não, tự mình hết khổ, giúp cho mọi người cùng hết khổ, tu như thế mới là tu theo đạo Phật. Chứ còn nói tu, mà cứ ôm lòng đố kỵ oán hận thì chưa tu gì hết. Như vậy, hạnh phúc mà đức Phật cho chúng ta đó là hạnh phúc gì? - Tùy hỷ và hỷ xả là niềm vui bất tận, là hạnh phúc chân thật, là xâu chuỗi kim cương đó vậy. Đó là hạnh phúc nhất.

Hạnh phúc thứ hai cao siêu hơn nữa đó là khi còn sống thì lúc nào cũng được an vui, khi chết thì chết một cách tự tại, không yếu đau oằn oại, không sợ hãi mà người đời không ai là không mơ ước. Thuở xưa bên Trung Hoa có ông Bàn Uẩn, là một nhà nho khá giả, sau phát tâm học Phật, tới thiền sư Hy Thiên ở Thạch Đầu hỏi:

- Người không cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Thiền sư Thạch Đầu liền bụm miệng ông lại, mà không nói gì. Ngang đó ông ngộ.

Sau, ông đến Mã Tổ Đạo Nhất cũng hỏi câu đó. Mã Tổ nói:

- Chùng nào ông hớp một hớp cạn nước Tây Giang, ta sẽ vì ông mà nói.

Qua câu nói này ông ngộ sâu thêm lý thiền. Sau đó, ông đem của cải đồ xuống sông hết. Cả gia đình sống đời thanh bạch. Gia đình ông có bốn người: ông, bà, con trai và con gái. Ông giáo dục cả gia đình tu, sau ngộ được lý thiền. Một hôm cả nhà bàn đạo lý. Ông nói:

- Khó khó, mùi tạ dầu mè trên cây vuốt.

Trên thân cây cao, vuốt mùi tạ dầu mè rất trơn, ai leo lên cũng tuột xuống nên rất khó leo. Việc tu hành rất khó, giống như leo lên cây vuốt dầu mè vậy. Bà Bàn Uẩn nói:

- Dễ dễ, trên đầu trăm cỏ ý tổ sư.

Việc tu hành rất dễ, khắp trên đầu trăm cỏ đều có ý tổ sư, đâu có khó! Cô Linh Chiếu liền kết thúc:

- Cũng chẳng dễ, cũng chẳng khó, đói đến thì ăn mệt ngủ khò!

Việc tu hành không dễ mà cũng không khó, chỉ biết khéo tùy thời, đói thì ăn mệt thì ngủ, chẳng có gì bận tâm. Câu này có nhiều người hiểu lầm.

Có thiền khách tới hỏi thiền sư Huệ Hải:

- Hòa thượng tu dụng công như thế nào?

- Đói ăn mệt ngủ.

- Đói ăn mệt ngủ ai làm chẳng được, có gì khó đâu mà Hòa thượng nói dụng công?

- Khác chứ.

- Khác chỗ nào?

- Người đòi đói mà không chịu ăn, đòi trăm thứ. Mệt không chịu ngủ mà nghĩ trăm việc.

Quý Phật tử khi đói lên mâm cơm, thiếu ớt có chịu ăn không? Đòi ớt. Đói mà không chịu ăn đòi hỏi đủ thứ. Tới đến ngủ mà không chịu ngủ, gác tay lên trán lăn qua trở lại, nghĩ chuyện này nhớ chuyện kia. Cứ suy nghĩ mà không ngủ. Người tu hiểu đạo và ngộ đạo rồi thì ăn là ăn, ngủ là ngủ, không có vọng niệm xen tạp làm cho bỏ ăn mất ngủ. Người chưa hiểu đạo thì ăn còn đòi ngon chê dở, ngủ thì còn suy tính việc hơn việc thua, vì vậy nên khác.

Cô Linh Chiếu nói như vậy là người có tu hay không tu? Có tu. Một hôm ông Bàn Uẩn thấy duyên mãn, mới bảo cô Linh Chiếu ra sân coi đứng ngộ chưa cho ông hay. Ông leo lên bộ ngựa giữa ngòi kiết già, chờ đứng ngộ thì tịch. Cô Linh Chiếu ra nhìn mặt trời rồi trở vô thưa:

- Thưa ba, gần đứng ngộ, nhưng có nguyệt thực.

Ông bước xuống bộ ngựa ra sân coi. Cô Linh Chiếu leo lên bộ ngựa ngòi kiết già tịch trước. Ông trở vô thấy con đã tịch, cười nói:

- Con gái ta lanh lợi quá!

Chôn cất cô Linh Chiếu xong, ông báo tin cho bạn bè hay bảy ngày sau ông tịch. Lúc đó có ông Châu mục tới thăm, hai vị đàm đạo một hồi. Ông Bàn Uẩn nằm gác đầu trên gối của ông Mục công tịch. Tin ông Bàn Uẩn và cô Linh Chiếu tịch đưa về, bà Bàn Uẩn đang ở riêng. Cậu con trai đang cày ruộng, bà ra đồng cho hay:

- Ông già vô tri và con nhỏ ngu si đi rồi con.

- Vậy hả má!

Cậu đứng giữa ruộng tịch theo. Bà nói:

- Thằng ngu si nó cũng đi nữa.

Bà chôn cất con trai xong, từ giã mọi người biệt tích luôn. Cả gia đình ông Bàn Uẩn muốn sống thì sống muốn chết thì chết tự do tự tại. Cho nên ai cũng mơ ước cái hạnh phúc đó. Trên đời này có gì khổ hơn là chết, ai nghe chết cũng đều sợ. Thế mà người tu muốn chết là chết muốn sống là sống, sanh tử tự tại, đó mới là chân hạnh phúc. Hạnh phúc đó mới là hạnh phúc cứu cánh, còn cái hạnh phúc do thỏa mãn sáu căn chưa phải là cứu cánh.

Mọi người tu theo đạo Phật là tìm cái hạnh phúc chân thật đó. Nghĩa là làm sao trong cuộc sống này chúng ta luôn luôn an vui không bị phiền não khuấy nhiễu và khi chết cũng được an ổn tự tại. Đừng tưởng rằng hằng ngày tu sơ sơ chùng nhăm mắt niệm mười câu A-di-đà Phật là được Phật rước về Cực lạc mới là hạnh phúc, đó chỉ là tướng tượng thôi. Bởi vì tu nhân thế nào thì thành tựu quả thế ấy. Hiện tại tu được an vui không phiền não thì mai kia chết mới được tự tại. Còn hiện tại tâm phiền não bất an mong chết được tự tại thì vô lý. Thế nên, muốn được hưởng hạnh phúc chân thật trong cuộc sống này, chúng ta phải khéo tu để được nguồn an lạc thật sự thì khi chết mới được tự do tự tại.

Vậy tôi chúc quý Phật tử đi chùa, lần này về mỗi người đều được quàng xâu chuỗi kim cương, nhớ đừng đòi xâu chuỗi bong bóng nước như cô công chúa nhõng nhẽo kia. Đó là lợi ích thiết thực trong việc tu hành, chứ không phải là chuyện xa vời không thể thực hiện.

MÌNH THƯƠNG AI NHẤT

Phàm nói đến thương yêu thì những người được thương là cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em... Đó là những đối tượng được thương đứng hàng đầu mà không ai phủ nhận. Nhưng tại sao đây hỏi “mình thương ai nhất”. “Ai” mà mình thương nhất đó là nhân vật nào mà quan trọng đến thế?

Trong kinh A-hàm, có đoạn ghi: Một hôm vua Ba-tư-nặc hỏi phu nhân Mạt-lợi:

- Trên đời này ái khanh yêu ai nhất?

Phu nhân Mạt-lợi đáp:

- Dĩ nhiên, người thiếp yêu chính là bệ hạ.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Trẫm cũng đoán rằng khanh sẽ nói như thế.

Phu nhân Mạt-lợi mỉm cười:

- Tâu bệ hạ, nếu thánh thượng cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một tí, nhưng xác thực hơn.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

- Khanh cứ nói!

Phu nhân Mạt-lợi thưa:

- Tâu bệ hạ, người mà thần thiếp yêu quý nhất chính là thần thiếp.

Vua Ba-tư-nặc ngạc nhiên:

- Sao? Mình lại yêu mình? Trẫm không hiểu khanh muốn nói gì?

Phu nhân Mạt-lợi thưa:

- Tâu bệ hạ, vì có ái trọng tự ngã mình, nên thần thiếp mới yêu thương bệ hạ, vì bệ hạ là người đem lại hạnh phúc cho cái tự ngã này.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Trẫm biết điều đó, nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý của khanh.

Phu nhân Mạt-lợi dè dặt:

- Tâu bệ hạ, thần thiếp mạn phép nêu ra một câu hỏi: “Trên đời này bệ hạ yêu thương ai nhất?”

Vua Ba-tư-nặc cười:

- Ái khanh chứ còn ai!

Phu nhân Mạt-lợi hỏi tiếp:

- Giả sử thần thiếp yêu thương một người đàn ông khác thì bệ hạ sẽ làm gì?

Vua Ba-tư-nặc lúng túng:

- À, trăm sẽ... trăm sẽ...

Phu nhân Mạt-lợi tiếp lời:

- Bệ hạ sẽ nổi trận lôi đình, chém đầu thần thiếp ngay lập tức phải không?

Vua Ba-tư-nặc giả lả:

- Khanh hỏi rắc rối quá! Rắc rối thật!

Phu nhân Mạt-lợi hỏi:

- Tâu bệ hạ, có đúng thế không ạ?

Vua Ba-tư-nặc đáp:

- À... à.....

Phu nhân Mạt-lợi hỏi dồn:

- Đúng, phải không bệ hạ?

Vua Ba-tư-nặc im lặng giây lâu, nói:

- Có lẽ khanh nói đúng.

Phu nhân Mạt-lợi nói:

- Thế là bệ hạ đã đáp câu hỏi của thần thiếp rồi!

Yêu người ta nhất đời mà người ta yêu kẻ khác thì chặt đầu. Như vậy có yêu nhất đời chưa? Nếu yêu nhất đời thật, thì dù người ta có thương ai khác, mình cũng vẫn thương người ta. Đằng này người ta không thương mình thì mình chặt đầu, vậy thương đó là qua ai? Thương đó là vì mình! Mình chỉ thương mình thôi! Tất cả mọi đối tượng mà mình thương mến đều vì mình mà mình thương, thương người qua tự ngã của mình đó vậy.

Hôm sau vua Ba-tư-nặc xa giá đến tinh xá Kỳ Viên thăm Phật và trình bày câu chuyện đối đáp giữa vua và hoàng hậu. Phật xác nhận ý kiến của phu nhân

Mạt-lợi qua bài kệ như sau:

Tâm ta đi cùng khắp

Tất cả mọi phương trời

Cũng không tìm thấy được

Ai thân hơn tự ngã

*Đi tìm khắp phương trời
Cũng không tìm đâu thấy
Ai thân hơn tự ngã
Vậy ai yêu tự ngã
Chớ hại tự ngã người.*

Đó là lời xác nhận của Phật: Chúng sanh yêu tự ngã mình hơn hết.

Đa số người đời thương tự ngã mình hơn hết mà không biết, cứ nghĩ thương người này hết lòng, thương người kia hết lòng. Hoặc giả có biết mình thương tự ngã mình cũng không can đảm nói thật, nói gạt thiên hạ là mình thương chúng sanh, chứ đích thật mình thương mình là gốc. Thí dụ có một Phật tử rất tốt, tu hành rất tinh tấn, song đối với mình lúc nào họ cũng chỉ trích. Mình nói nhiều họ cũng chỉ trích, mình đi đứng không nghiêm trang họ cũng chỉ trích, mình lười ngồi thiền họ cũng chỉ trích. Họ cứ chỉ trích đả phá mình hoài, nên mình không chịu nổi, không thương họ được. Hầu hết chúng ta thương ai, mến ai là vì người đó thương mình, giúp mình, đem sự lợi lạc, an ổn cho mình. Nếu không như vậy chắc mình không còn thương họ. Như vậy, cái thương đó là cái thương vì bản ngã.

Cái đau khổ nhất của con người là thấy mình tối thượng, lúc nào cũng nghĩ về mình, song tự đánh mất mình mà không hay. Tất cả đều quy hướng về bản ngã, nhưng rốt cuộc rồi lại bỏ quên cái thật ngã chính mình! Hằng ngày chúng ta cứ đuổi theo cái giả ngã, vun bồi cho nó được sung túc to lớn, mai kia nó hư hoại mất đi, chừng đó chúng ta không biết làm sao đây? Như vậy, nói thương mình lại vô tình đánh mất mình mà không biết. Đó là một sự thật đáng thương mà ít ai thấy.

Tôi xin hỏi: Thương mình là thương cái gì? Phải chăng thương thân tứ đại? Thân tứ đại là do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành, chúng có đặc tính xung khắc chống đối nhau, thường bất hòa không an. Một lúc nào đó sẽ rã tan. Khi rã tan thì cái gì thật là mình mà mình thương yêu? Nói tứ đại không thật là mình nên mình không thương, vậy mình thương cái gì? Có phải mình thương tâm mình? Tâm mình là cái nghĩ suy tính toán, một khi đã nghĩ điều gì thì cho điều mình nghĩ là chân lý, nếu có ai cãi lại thì không chịu, có thể tranh luận hoặc đánh đá để bảo vệ cái mình nghĩ. Bảo vệ tức là yêu nó chứ gì? Nhưng cái suy nghĩ đó nó không thật, nó nghĩ cái này nó nghĩ cái kia, khi nhìn lại nó đâu mất, tìm không ra. Nó chợt hiện chợt mất, nó không có hình dáng nào cố định cả; không có hình dáng cố định làm sao thật được? Cái không thật mà cho là mình, có đúng không? Không hợp lý. Lại cái suy nghĩ đó khi nghĩ điều thiện, tốt như hiền thánh, lúc nghĩ điều ác, dữ như cọp sói.

Như vậy, mình là hiền thánh, hay mình là cọp sói? Lại nữa, nó vừa nghĩ điều thiện liền biết nó đang nghĩ thiện; nó vừa nghĩ ác, liền biết nó đang nghĩ ác. Như vậy, nó là cái bị biết thì nó là khách, đâu phải là chủ là mình? Mọi người dồn hết tâm lực để lo cho mình, thế mà tứ đại không phải là mình, cái nghĩ suy cũng không phải là mình. Vậy chúng ta thương mình là thương cái gì? Quý vị thử nói xem? Thương đất nước gió lửa không được, vì đất nước gió lửa vô tri, có gì mà thương? Thương cái nghĩ suy cũng không được, vì cái nghĩ suy chợt hiện chợt mất, làm sao thương? Vậy chúng ta thương cái gì đây?

Mọi người đều lầm tưởng có “cái mình” thật, nhưng không ngờ đó chỉ là nhóm tứ đại tập hợp và những niệm nghĩ suy sanh diệt, mọi người bám vào đó cho là mình. Kinh Viên Giác, Phật dạy: “Chấp thân tứ đại là mình, chấp cái nghĩ suy phân biệt là mình đó là vô minh.” Thế nên ai yêu thân tứ đại, ai yêu cái nghĩ suy phân biệt đều là vô minh. Càng yêu nó là càng chìm trong sanh tử, càng yêu nó là càng mất mình!

Đây tuy nói là yêu mình nhất, chứ kỳ thật chúng ta yêu sáu trần hơn hết. Tại sao tôi nói khác lạ như thế? Vì giờ tọa thiền, cốt yếu là giữ cho thân tâm yên lặng thanh tịnh, thế mà không bỏ nó được, lát nhớ cảnh vật này, lát nhớ âm thanh nọ... cứ nhớ hoài! Như vậy thì còn yêu ai hơn nó? Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Phật có nói: “Chúng sanh quên mình theo vật.” Quên mình theo vật là khi mắt thấy sắc thì chỉ biết có cảnh vật đẹp xấu, khi tai nghe tiếng thì chỉ biết có âm thanh hay dở, quên mình có “cái hay thấy hay nghe”, chỉ một bề chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài mà quên “cái mình chân thật”. Hằng ngày, hằng giờ, hằng phút chúng ta quay về với mình (tánh thấy tánh nghe) hay chúng ta đuổi theo sáu trần? Rõ ràng đang chạy theo sáu trần. Ngồi thiền mắt nhìn xuống, tuy không thấy cảnh vật chung quanh, chứ tâm cũng chạy theo pháp trần. Xả thiền ra thì mắt chạy theo cảnh, tai đuổi theo tiếng... không bao giờ dừng nghĩ. Chạy theo sáu trần không dừng nghĩ, không yêu nó thì yêu ai? Nếu không yêu nó mà chạy theo nó để làm gì? Rõ ràng là yêu sáu trần và chạy theo nó nên quên mình, mất mình. Sống như thế không phải quên mình theo vật là gì?

Chúng ta là người thật tu thì phải biết rõ chủ yếu của sự tu là gì? Tu là trở về cái thể chân thật của chính mình. Có trở về cái thể chân thật của mình mới thật là yêu mình. Đang quên mình theo vật thì làm sao gọi là yêu mình được? Đây tôi dẫn kinh điển Nguyên thủy và kinh điển Đại thừa, cũng như lời khai thị của thiền sư, để quý vị thấy chúng ta là người quên mình chứ không yêu mình. Một hôm tôn giả Phú-lâu-na xin Phật dạy cho phương pháp tu đơn giản để ngài đến nơi thanh vắng tu. Phật dạy: “Mắt thấy sắc không đuổi theo không dính mắc là gần với Niết-bàn, tai nghe tiếng không đuổi theo không dính mắc là gần với Niết-bàn, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân duyên xúc, ý duyên pháp

không đuổi theo không dính mắc là gần Niết-bàn.” Đó là trở về mình, trở về cái thể chân thật của chính mình. Ngài Phú-lâu-na tu chỉ ba tháng chứng quả A-la-hán. Như vậy, chính khi sáu căn không dính mắc với sáu trần là mình trở về với mình, đó là gần Niết-bàn, ngược lại là xa Niết-bàn.

Kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm?” Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là không nên khởi tâm dính mắc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó là chỗ an trụ của người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe tới đây Lục Tổ liền ngộ, không phải ngài chỉ ngộ cái lý “Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh tâm...” mà ngài còn thấy xa hơn nữa. Ngài thấy tánh mình xưa nay vốn thanh tịnh, tánh mình xưa nay vốn không sanh diệt, tánh mình xưa nay vốn tự đầy đủ. Xuyên qua lý “Sáu căn không dính với sáu trần là chỗ an trụ của người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Ngài liền nhận ra cái thể chân thật của chính mình mà thiền gia gọi là Bản lai diện mục. Sở dĩ chúng ta không nhận ra bộ mặt thật xưa nay của chính mình là vì chúng ta chạy theo sáu trần. Ngược lại, không đuổi theo sáu trần thì bản lai diện mục hiện tiền. Sau đây là câu chuyện đối đáp của thiền sư Cảnh Thanh với thị giả.

Một hôm trời mưa, ngoài vườn có tiếng nhái kêu vì bị rấn bắt, ngài hỏi thị giả:

- Tiếng gì đó?

Thị giả thật thà đáp:

- Tiếng nhái kêu.

Ngài nói:

- Chúng sanh khổ lại có khổ chúng sanh.

Tại sao “Chúng sanh khổ lại có khổ chúng sanh?” “Chúng sanh khổ” là con nhái bị con rấn cắn gần chết nên kêu la. Còn “khổ chúng sanh” là thị giả nghe tiếng nhái kêu chạy theo tiếng nhái, quên mình. Hiện tại chúng ta sống có phải là “khổ chúng sanh không?” Đa số đều chạy theo sáu trần, mà quên mất mình, sống mà cũng như chết. Không khổ chúng sanh là gì?

Rồi một hôm trời mưa, tiếng mưa rơi tí tách. Ngài hỏi thị giả:

- Tiếng gì đó?

Thị giả thưa:

- Tiếng mưa rơi.

Ngài bảo:

- Chúng sanh quên mình theo vật.

Thị giả nghe tiếng mưa rơi chỉ một bề nhớ tiếng mưa rơi mà không nhớ mình có tánh nghe. Nên bị ngài quở quên mình theo vật. Nếu chúng ta được hỏi như thế, chắc cũng trả lời như thị giả ở đây. Phải trả lời sao mới không quên mình theo vật? Con đang nghe. Khi nghe tiếng mưa, nhớ mình có tánh nghe, nên nói con đang nghe.

Chúng ta là người tu, mục đích là tìm lại con người chân thật của chính mình. Như thế mới là thương mình, chứ còn chạy theo sáu trần mà nói thương mình, cái yêu đó chỉ là yêu sáu trần, yêu tứ đại chứ không thật yêu mình. Thế nên phải buông xả sáu trần, xả sáu trần mới trở lại mình được, không thì đánh mất mình.

Quý vị có dám buông xả sáu trần không? Sáu trần là tướng sanh diệt bên ngoài, nếu theo đuổi dính mắc nó thì “cái chân thật” sẽ bị quên đi. Lục Tổ khi ngộ được lý này rồi, ngài thường đề cập đến việc “kiến tánh”, tức là nhận được thể tánh chân thật của chính mình và khi đã kiến tánh thì không còn dính mắc sáu trần nữa.

Vua Trần Thái Tông đời Trần, lúc việc nước rảnh rang, ngài đọc kinh Kim Cang, nghiền ngẫm câu: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Sau ngộ được lý này, trong bản Thiên Tông Chỉ Nam ngài có soạn pháp sám hối tên “Lục thời sám hối” trong đó ngài sám hối mắt, sám hối tai, sám hối mũi, sám hối lưỡi, sám hối thân, sám hối ý. Mỗi thời sám hối một căn. Sám hối như vậy cốt để gỡ cái dính mắc sáu trần. Do ngộ mà ngài chế ra nghi thức sám hối ngay nơi sáu căn, đó là điều đặc biệt của riêng ngài, không bắt chước các thiền sư, các nhà giảng kinh ở Trung Hoa. Và đây là tựa bài kệ Tứ Sơn (kệ bốn núi: sanh, già, bệnh, chết) trong đó ngài sám hối sáu căn:

*Tỷ trước chư hương thiết tham vị
Nhãn mạnh chúng sắc nhĩ văn thanh
Vĩnh vi lãng dăng phong trần khách
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.*

Nguyễn Lang dịch:

*Lưỡi vương vị ngon, tai vương tiếng
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương
Lênh dên làm khách phong trần mãi
Ngày hết, quê xa vạn dặm đường.*

Là một ông vua bận rộn việc nước mà ngộ được lý đạo nhắc nhở chúng ta tu như thế, thật là chuyện hiếm có. Chúng ta là người đủ duyên phước xuất gia sống trong cửa thiền, duyên đời được cắt nhiều mà cứ dính mắc với sáu trần mãi thì biết bao giờ mới thấy đạo? Thời vua Trần Thái Tông là thời đất nước loạn ly, quân Nguyên xâm lăng. Việc nước nặng nề bận rộn, mà ngài tu thấy đạo nói được những câu như vậy, chúng ta là người ở trong chùa rảnh rang ít việc, không bận bịu gia đình, không lo nghĩ chuyện đời no ấm lạnh, thế mà buông sáu trần không nổi, thì chẳng biết nói sao! Thật đáng xót thương cho mình! Đó là “khổ chúng sanh”. Muốn tìm lại mình, sống với chính mình mà cứ dính với sáu trần hoài thì làm sao sống với mình đây?

Lâu nay chúng ta đang đánh mất mình, không riêng gì chúng ta mà cả nhân loại cũng đang mất mình. Như vậy người tu có ích kỷ không? Vì tìm lại mình lo cho mình, theo quan niệm người đời là ích kỷ. Chúng ta dồn hết tâm lực xoay lại tìm cho ra *cái chân thật* của mình, thiền gia gọi là *phản quan tự kỷ*. Luôn luôn xem xét mình thấy như ích kỷ, chỉ vì mình. Song đó là việc làm lợi tha vô kể. Vì bao nhiêu tỷ người đang quên mình đang đánh mất mình. Nếu mình tìm được cái chân thật của mình rồi, mình chỉ cho mọi người nhận ra cái chân thật của họ thì cứu giúp nhân loại biết là bao!

Chúng ta sống mà không biết mình sống, nói mình, mà không biết cái gì là mình. Như vậy là sống hay chết? Nói mình là cái nói rỗng, không có ý nghĩa, chúng ta tu là phải xoay lại tìm cho ra cái chân thật đó, luôn luôn phải nỗ lực cố gắng không thể chần chừ. Muốn tìm ra cái chân thật đó là phải dùng thương sáu trần. Quý vị có chấp nhận không thương sáu trần nữa không? Dám xả ly nó không? Quý vị mà xả ly sáu trần, quý vị không muốn làm thánh cũng là thánh. Còn nếu không xả ly nó, thì nó dẫn quý vị đi mãi trong vòng luân hồi sanh tử. Tu cốt để giải thoát ra khỏi sanh tử, muốn hết sanh tử là phải nhận ra cái thể chân thật không sanh không diệt có sẵn nơi mình bằng cách xả ly sáu trần. Nếu theo sáu trần thì cái chân thật đó không hiện.

Từ ngày tôi hướng dẫn cho quý vị tu tới giờ, lúc nào tôi cũng khuyên quý vị hãy xả ly sáu trần, đến nay quý vị có chịu xả ly chưa?

- Chưa, chắc còn khấn khít lắm. Cái mà Phật răn, tổ quở, thầy rầy mà không chịu bỏ, không yêu nó tốt đỉnh là gì? Chúng ta học đạo, hiểu đạo rồi, nhất định phải tìm cho ra cái thể chân thật của chính mình là xây lưng với sáu trần đó là bối trần hiệp giác, chứ không được bối giác hiệp trần nữa. Mong quý vị can đảm xả ly nó để trở thành hàng thiệu long thánh chúng.

BIẾT CHỌN LỐI ĐI CHO MÌNH (I)

Nhân đầu năm Tân Mùi, chư tăng và Phật tử chùa Giác Nguyên đến viếng thăm Hòa thượng, Hòa thượng nói lên pháp thoại này.

Thê theo lời yêu cầu của thầy trưởng đoàn, tôi có ít lời nhắc nhở quý Phật tử tu hành. Trước tiên tôi dẫn hai câu thơ của cổ đức, rồi sau sẽ giải thích cho quý vị thấy rõ đường hướng tu hành. Cổ đức nói:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn.

Tôi tạm dịch:

Núi cùng sông cạn ngỡ hết lối,

Liễu biếc hoa tươi riêng một thôn.

Cuộc sống trong cõi đời này, mỗi người chúng ta ai cũng sanh ra rồi lớn lên, rồi già, cuối cùng là chết. Không người nào thoát khỏi tiến trình đó. Tiến trình mà con người trải qua những giai đoạn sanh ra, lớn lên, rồi già, chết, là đường cùng hay đường có lối thoát? Chết là đường cùng không lối thoát. Như vậy, mọi người chúng ta sanh ra để rồi chết, người nào cũng như người nào, không ai thoát khỏi! Thông thường kiếp sống của con người ai cũng thấy quan trọng và cho là quý. Nhưng xét kỹ thì không có gì lạ hơn là sanh để rồi tử, sống để rồi chết! Không ai thoát khỏi! Tất cả chúng ta hiện có mặt đây mai kia ai cũng đi tới đường cùng ngõ cụt này. Vì vậy nên ở đây diễn tả: *Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ*. Nghĩa là núi đã cùng rồi, nguồn sông đã cạn rồi, thế là hết, nên nghi ngờ tới đây (chết) là hết lối đi. Tất cả người đời ai cũng thấy như thế và chấp nhận như thế. Trăm người như một dù sang trọng hay nghèo hèn đều cũng như nhau, không ai làm khác hơn việc sanh ra để rồi chết. Giống như đi lên núi, tới đỉnh là hết lối, cùng đường! Đi trên sông tới nguồn là cạn nước, cùng đường! Nhưng chỗ cùng đó có lối rẽ tới thôn có liễu biếc hoa thơm...

Phật thấy đường cùng đó mới hướng dẫn cho chúng ta tu. Tu là gì? Là tìm lối rẽ để thoát ra con đường cùng (chết). Cổ đức nói thoát chết mà sao Phật và quý thầy cũng chết, rồi mai một tôi cũng chết? Vậy thoát chỗ nào? Thoát là biết cái nhân nào đưa tới cái chết, ngang đó dứt nó... Vì cái thân này có hoại có tan không thể giữ hoài được. Người thế gian mất thân này chụp thân khác, cứ thế mà chụp hoài. Vì vậy mà dần thân tới đường cùng mãi. Người tu biết cái nhân nào dẫn tới sanh tử, thì dứt cái nhân đó. Khi dứt cái nhân sanh tử rồi, thì đời này chỉ một lần tới đường cùng, rồi rẽ ra luôn không trở lại con đường cùng đó nữa. Nghĩa là đời này chết rồi sẽ thoát ra vĩnh viễn, không còn sanh

tử nữa. Nên nói tu không phải để cầu an, mà tu là tìm lối thoát ra khỏi đường cùng. Không như người thế gian chấp nhận và cứ đi trong luân hồi sanh tử.

Như vậy, tất cả chúng ta đang sống đây ai cũng mang bản án tử hình. Nhưng án tử hình đó thi hành sớm hay muộn là tùy duyên phước mỗi người và tùy theo lứa tuổi già hay trẻ. Nghĩa là ba bốn năm, năm mười năm nữa người già sẽ chết, ba bốn mươi năm, năm sáu mươi năm thì người trẻ cũng chết, không ai tránh khỏi! Mỗi người chúng ta đã mang cái án tử hình rồi mà có nhớ đâu! Cứ mãi miết vui đùa hết trò chơi này tìm thú vui khác, quên hẳn cái án tử hình mà mình đang mang.

Nếu chúng ta nhìn kỹ lại cuộc đời thì thấy tức cười, ai cũng như ai; sanh ra, lớn lên, có gia đình, có con cái, nuôi con lớn khôn, rồi mình già sụm soạn chết. Con mình cũng như vậy, lớp người trước như vậy, lớp người sau như vậy, lớp người sau nữa cũng như vậy, đồng đi trên con đường cùng, không ai thoát khỏi. Con đường cùng đã định sẵn, người thấy xa thì buồn, vì nghĩ rằng mình sống đây rồi phải chết, chứ không sống hoài. Khi chết rồi thì những sinh hoạt mấy mươi năm, nào quyền thế danh lợi, cả sự nghiệp cùng vợ con quyến thuộc đều bỏ lại hết, không mang theo được món nào! Một mình ra đi, mà không biết đi về đâu? Nên nói Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ. Tới đó thấy như cùng lối rồi, cùng lối đi mà không biết mình về đâu? Phó mặc cho nó ra sao thì ra.

Chính vì vậy mà tổ Quy Sơn nói “Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng.” Tức là đường trước mặt mờ chưa biết đi đâu? Đời người sống có mấy mươi năm rồi chết, khi chết thì nhắm mắt đưa chân, không biết mình về đâu và ra sao? Vì vậy mà người đời sợ chết, khổ vì chết. Trăm người như một, ai ai cũng sợ chết. Nói đến chết là nói đến cái gì kinh hoàng ghê sợ. Cho nên sống được một năm, tết đến gặp nhau là chúc thọ sống trăm năm, sống muôn tuổi... Đó là ý niệm ước muốn được sống lâu. Nhưng ước muốn không thành sự thật, vì người đời có mấy ai sống tới trăm tuổi?

Tất cả mọi người chúng ta ai cũng đến con đường cùng này, đó là chỗ tuyệt vọng khổ sở. Vì vậy mà Phật dạy chúng ta tu để thoát khỏi đường cùng ngõ cụt ấy. Song hiện tại nếu sức huân tu của chúng ta còn non yếu, chưa thoát khỏi luân hồi sanh tử thì ít ra cũng biết chọn lựa hướng đi. Nghĩa là gần chết mình biết mình sẽ đi đâu? Trong kinh Phật dạy người tu giữ năm giới, sau khi chết thì trở lại làm người, bảo đảm chắc chắn không nghi ngờ. Như vậy quý Phật tử tu giữ năm giới, lúc gần nhắm mắt có ai hỏi: “Anh (hay chị) tắt thở rồi đi đâu?” Lúc đó quý vị cười, trả lời: “Tôi sẽ trở lại làm người, chứ không đi đường nào khác.” Nếu quý vị tu thập thiện đúng đắn thì cười trả lời: “Tôi sẽ sanh về cõi trời.” Còn nếu quý vị niệm Phật được nhất tâm thì cười trả lời: “Tôi sẽ sanh về cõi Cực lạc.” Đó là người tu biết chọn lối đi cho mình. Phật chỉ hướng đi cho chúng ta quá rõ ràng, nếu chúng ta chọn và thực hành rốt ráo thì sẽ hết khổ,

nếu chúng ta đã chọn hướng đi nhưng chưa thực hành trọn vẹn thì cũng bết khô.

Kinh A-hàm có ghi, lúc trưởng giả Cấp Cô Độc đau nặng sắp lâm chung, thân tứ đại bức ngặt đau nhức. Tôn giả Xá-lợi-phất đến thăm và nhắc ông nên kham nhẫn chớ có lo sợ. Vì đương thời Trưởng giả có lòng tin sâu xa đối với Tam bảo, lại tu nhiều pháp lành như giữ năm giới, tu thập thiện, hiểu lý Tứ đế... thì sau khi mạng chung chắc chắn sẽ được sanh vào cõi lành. Quả nhiên sau khi trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung được sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Lại, chúng ta đọc sử của các thiên sư, thấy các ngài sắp tịch, viết kệ để lại, từ già mọi người rồi vui vẻ tươi cười nhắm mắt ra đi, không hề buồn lo sợ hãi. Sở dĩ các thiên sư chết mà vui cười, là vì các ngài đã biết rõ đường đi của mình. Còn người thế gian thì không biết lối đi, nên kinh hoàng sợ hãi. Đó là cái khổ của người đời đi tới đường cùng mà mù mịt, nên chơi với hoảng hốt. Tuy nhiên đường cùng mà có lối rẽ: *Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn*. Lối rẽ đó dẫn tới một thôn đầy hoa tươi liễu biếc đẹp đẽ vô cùng chứ không phải tới đó tuyệt dút không còn lối đi! Đối với người tu từ xuất gia lẫn cư sĩ, thoát nhìn thấy dường như bị thua thiệt. Lúc nào cũng tiết chế sự ăn mặc ngủ nghỉ, không được vui chơi phóng đãng, không được tranh hơn với người, đối với kẻ nghèo khó thì đem tiền của đến chia sẻ... Như vậy, cuộc sống của người tu thấy như bị thiệt thòi khốn khó. Song, nhận định chín chắn thì người tu có nhiều hạnh phúc. Tại sao? Vì người tu biết cuộc đời sẽ đi tới đường cùng, nên vạch một lối rẽ để tới cái thôn an nhàn đầy hoa thơm cỏ đẹp, chứ không chấp nhận đi trên đường cùng ngõ cụt mà người đời ai cũng phải qua Nhờ biết ngày mai sẽ đi tới cảnh đẹp nên người tu chấp nhận những thiệt thòi không đáng kể đó mà không buồn. Những cái mà người đời hiện giờ được như danh, lợi, tài, sắc... khi chết không mang theo được. Mọi thứ đều để lại đời và sau đó nó cũng hoại diệt mất đi. Thế nên mục đích của người tu là tìm lối thoát ra khỏi đường cùng. Lối thoát hay ngã rẽ đó Phật tổ đã đến và hiện tại ai đã tới đó thì thấy cảnh đẹp đang hiện tiền. Vậy Phật tử ai là người biết tu thì phải chọn một con đường, để ngày mai khi nhắm mắt có lối đi tốt. Đồng thời người biết tu sẽ tiến đến một nơi đẹp đẽ tuyệt vời, mà ở trần gian này không có cái gì so sánh được. Song, muốn đến được cảnh đó, người tu phải hy sinh những thú vui nhỏ mọn của thế gian.

Người đời quý trọng thân mình, vì mình mà giành nhau từng miếng ăn, tranh nhau từng lời nói... tranh giành được hơn thì cho là khôn. Ngược lại, đối với người tu, nhịn được mới là khôn, vì có hơn rồi cũng không tới đâu! Kinh Pháp Cú ghi: Một hôm đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của thí chủ vào thành phó trai. Thọ trai xong trên đường trở về tịnh xá, gặp một đàn bò kéo nhau về chuồng, con bò nào cũng mập béo, chúng vừa đi vừa đuôi rượt nhau vừa báng lộn nhau. Thấy thế Phật mới nói kệ:

*Như người đuổi bò kia,
Nuôi bò để ăn thịt.
Nuôi mạng để làm gì?
Để cấp cho già chết!
Trăm ngàn chẳng có một,
Họ hàng nam cùng nữ,
Của cải nhiều tích trữ,
Không vật nào không mất.
Sống một ngày một đêm
Mạng tự gọt tự chuốt
Tuổi thọ khi tiêu hết
Còn gì? Cái gì cũng không!*

Về đến tinh xá, tôn giả A-nan cúi đầu bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, lúc đi đường Thế Tôn hướng về người đuổi bò và đàn bò, nói kệ, nghĩa ấy thế nào?

Phật đáp:

- A-nan có thấy bày bò báng lộn nhau không?
- Bạch Thế Tôn, con có thấy.
- Bò đó họ nuôi để làm gì?
- Bạch Thế Tôn, đàn bò đó người ta nuôi để làm thịt.

Phật nói tiếp:

- Hằng ngày chủ nó lừa ra thành kiếm cỏ non, nước ngọt cho chúng ăn uống, để rồi chọn con nào mập nhất đem ra làm thịt bán. Thế mà chúng không biết, cứ đuổi rượt, la rống, húc đầu vào nhau. Thấy thế ta thương xót nên nói kệ ấy.

Phật lại nói tiếp:

- Nay A-nan, nào chỉ có đàn bò đó đâu, người đời cũng thế! Mê chấp ngã không biết vô thường thiêu đốt, cứ lo ăn uống ngủ nghỉ nuôi dưỡng xác thân cho sung túc. Vì mình mà tranh nhau từng chút, cái chết không kỳ hẹn vẫn cứ hơn thua, sánh với bày bò, nào có khác chi!

Bài kinh này cho thấy sự hơn thua của chúng ta ngày nay không đáng giá. Tại sao chúng ta không nghĩ đến cái chết của ngày mai? Nếu những con bò khôn ngoan, biết ngày mai sẽ chết, con này sẽ bị cắt cổ, con kia sẽ bị đập đầu,

con nọ sẽ bị mở bụng... Những bức hại đó mới là cái đáng sợ, còn chuyện hơn thua trong đàn không quan trọng thì đâu có báng lộn nhau! Loài người khôn hơn loài bò, chúng ta biết ai rồi cũng đi tới đường cùng (chết) thì tranh giành nhau để làm gì? Nếu người nói nặng một câu, mình không quan tâm thì không có chuyện gì xảy ra. Hoặc người giành của cải hơn mình, mình biết họ ăn uống ít hôm rồi cũng chết, nên nhường không chống đối lại, lo đến ngã tễ, thoát ra khỏi đường cùng. Nếu chúng ta cứ giành nhau cái hơn cái được, mai kia tới đường cùng ngã ra chết, làm sao thoát kịp? Như thế thật là khờ dại! Thế thường người đời cho rằng người tu khờ khạo sống thiệt thòi, chứ đâu biết người tu đã chuẩn bị một lối đi lên, để thoát ra cái khổ đau của kiếp người. Còn người thế gian thấy như khôn, được lợi lộc sung sướng hơn người tu, nhưng vì không biết chọn một hướng đi tươi sáng, nên cuối cuộc đời phải đến đường cùng thì kinh hoàng sợ hãi.

Hôm nay có đồng tăng ni và Phật tử, tôi nghĩ rằng quý vị thương nhau không gì bằng nhắc nhau tinh tấn tu hành. Chúng ta đã chọn một lối đi (tu) thì phải cố gắng đi cho đến nơi đến chốn, vì đó là lối tể để thoát khỏi đường cùng. Tới đó rồi thì tất cả những cái vui cái đẹp ở trần thế không thể nào sánh kịp. Song, muốn đạt được kết quả siêu việt tuyệt vời ấy, chúng ta phải buông bỏ tất cả những thú vui tầm thường của thế gian. Đó là điều rất thiết yếu. Nếu cứ giành cái được cái hơn của trần gian, mai kia tới đường cùng thì chơi với khổ đau. Tăng ni cũng như Phật tử ý thức được điều này, nên an vui thua thiệt, chớ có buồn phiền! Ngược lại, nếu thấy mình bị thiệt thòi quá, khởi tâm tranh giành để được hưởng thụ như mọi người, thì tuy tu mà dẫn nhau đến ngõ cùng không lối thoát.

BIẾT CHỌN LỐI ĐI CHO MÌNH (II)

Hôm tết tôi có nhắc lời cổ đức:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn.

Song, tôi không có nói nhiều giảng rộng. Nay tôi nhắc lại để quý vị nghe, đồng thời hướng dẫn cho quý vị tu hành.

Tôi tạm dịch:

Núi cùng sông cạn ngờ hết lối,

Liễu biếc hoa tươi riêng một thôn.

Nghe hai câu này quý vị có thấy được ý nghĩa thâm trầm không?

Tôi đã nói: Tất cả chúng ta có mặt trên trần gian này, đều lũ lượt kéo nhau đi vào cái ngõ cùng. Quý vị thấy có phải vậy không? Ai sanh ra rồi cũng phải đi tới cái chết, người này sanh ra rồi chết, người kia sanh ra rồi chết.

Ngàn xưa như vậy, ngày nay và về sau cũng như vậy. Ai cũng đi đến đường cùng không lối thoát mà cứ vui cười đi tới đó, không đi lối nào khác hơn. Thật đáng thương cho kiếp người đau khổ! Tất cả chúng ta ra đời ai cũng mang án tử hình, người năm năm, người mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm... lâu lắm là tám mươi năm hoặc hơn chút nữa, ai cũng bị tử hình, không người nào thoát khỏi cả. Vậy chúng ta phải làm thế nào để thoát khỏi án tử hình? Chúng ta tự nghiệm xét lại giá trị của cuộc đời, thấy thật là tối đen, ai sanh ra lớn lên rồi cũng đến đường cùng là già chết, không có lối thoát. Hình ảnh tối đen đó diễn tả bằng câu: *Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ*. Mọi người đi đến chỗ núi cùng sông cạn, ngõ là không còn lối đi nữa, nên chấp nhận như thế. Nào ngờ còn một làng có liễu xanh hoa đẹp mà không biết lối rẽ để đi đến đó, thật uổng thay! Tất cả nhân loại có mặt trên trần gian này, chúng ta cứ dồn nhau tới ngõ cùng, mà không biết lối rẽ để đi đến cảnh tươi đẹp. Đó là cái đáng thương thứ nhất của kiếp người.

Cái đáng thương thứ hai nữa là đi tới ngã cùng rồi thì cái chết đến mà không biết mình sẽ ra sao, đánh liều nhắm mắt đưa chân, ra sao thì ra. Cho nên nhìn kiếp người thật kỹ thấy vô cùng đen tối. Dù hiện tại được nhà lầu xe hơi, có đầy đủ thức ăn vật uống, y phục thượng hạng... Nhưng ngày mai sẽ chết mà không biết đi về đâu, nên tổ Quy Sơn nói: “Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng” nghĩa là: “Đường trước mờ mờ chưa biết về đâu?” Thân phận con người thật vô cùng đen tối, chấp nhận cái chết mà không biết sau khi chết sẽ ra sao, khổ vui thế nào? Thật là bi thảm! Phật không chấp nhận đi trên đường cùng đó, mà

ngài tìm lối thoát. Chính tìm ra lối thoát nên ngài giải thoát được luân hồi sanh tử, không còn tiếp tục sanh nơi này tử nơi kia nữa. Đó là ý nghĩa thâm trầm của sự tu hành giải thoát.

Hiện tại chúng ta đã học Phật, tuy chưa thoát khỏi con đường cùng (chết), nhưng được yên lòng là có chọn lựa. Sáu đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la, trời. Có ai thích đi vào địa ngục không? Không, địa ngục khổ quá, sợ nên tránh. Ngạ quỷ thì đói khát cũng sợ nên tránh. Súc sanh thì ngu si quá, cũng sợ nên tránh. Chúng ta tu, tối thiểu cũng được làm người, nếu có phước hơn thì sanh làm a-tu-la. Phật dạy: Người học Phật tối thiểu là phải chọn con đường làm người, không được rớt xuống ba đường súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Vì ba đường này rất khó gặp Phật pháp để tu hành. Vì vậy khi phát tâm quy y Phật là phải giữ năm giới, năm giới là đạo đức tư cách con người. Nếu sống không giữ trọn năm giới là thiếu tư cách con người. Quý vị kiểm lại xem có phải vậy không? Giả sử người rượu chè say sưa, lúc cười lúc khóc, điều không đáng nói cũng nói, lúc anh anh em em, lúc mày tao chửi bới, việc không đáng làm cũng làm, đi nghiêng tới ngã lui, có khi đánh đập ẩu đả với nhau... làm trò cười cho con nít. Thiếu hẳn tư cách của con người bình tĩnh. Bốn giới trước cũng vậy, phạm một giới là mất một phần tư cách của con người. Như vậy, chúng ta tu ít nhất cũng biết chọn cho mình một hướng đi, thấp nhất là trở lại làm người. Còn người không biết tu thì không biết chết rồi sẽ đi đường nào và tới đâu? Vì vậy mà hải kinh lo sợ nên khổ sở. Đó là nỗi khổ lớn của kiếp người. Người tu tuy chưa thoát khỏi cái khổ thứ nhất, ít ra cũng thoát khỏi cái khổ thứ hai, tức là biết chọn đường đi và biết mình sẽ đi về đâu?

Khi đã giữ tròn năm giới, người Phật tử có thể tiến lên tu thập thiện. Tức là làm mười điều lành: đã không sát sanh, lại còn phóng sanh, không trộm cắp lại còn bố thí, không nói dối lại còn nói lời hòa nhã làm cho người khổ được vui. Khá hơn thì người Phật tử tu những pháp thiện định cho tâm tư lóng lạng trí tuệ sáng suốt. Đó là lối tiến đến giải thoát. Người tu nếu hiểu được đạo lý sâu, nói được những điều cao siêu mà giữ không tròn năm giới thì không đảm bảo không lạc vào đường ác. Vì sao? Vì yếu tố chánh của việc tu là thực hành. Còn học hiểu rồi nói suông thì không được lợi ích thiết thực.

Ví dụ có thầy hỏi Phật tử:

- Từ lâu quý Phật tử đi chùa học đạo, quý vị thấy thân này là có ngã hay vô ngã?

- Dạ vô ngã.

Nói thân là vô ngã dễ quá! Đây là lời nói suông học lóm của Phật rồi lặp lại thôi, chứ thật sự chưa sống như lời Phật dạy. Ngài không cho phép chúng ta tu chỉ học thuộc ngôn ngữ mà không thực hành. Người thuộc lời Phật dạy

mà không thực hành giống như người bệnh được thầy thuốc giỏi bắt mạch cho toa. Sau khi nhận toa thuốc, thấy thuốc hay, người bệnh cầm toa thuốc học thuộc lòng, ai hỏi là nói tên thuốc vanh vách.

Người ấy không hốt thuốc uống nên bệnh không lành. Muốn hết bệnh là phải uống thuốc. Vì vậy quý Phật tử học đạo, nghe lời Phật dạy rồi phải nghiền ngẫm suy đem ra ứng dụng tu hành. Học đạo như thế mới được lợi ích. Như quý Phật tử đã thấy, có rất nhiều vị giảng sư nói thì thao thao bất tuyệt; thân này là vô ngã, tham sân si là ba độc... Nhưng gặp việc vẫn thấy có ta có người, sân giận nổi lên như bao nhiêu người chưa hề biết thế nào là vô ngã, cái gì là ba độc. Như vậy, nói thì ai nói cũng được, nhưng làm thì chưa được. Thế nên chủ yếu của người học Phật là ứng dụng tu hành. Có thực hành mới được lợi ích thiết thực, chứ còn nói suông chẳng khác gì cái máy cassette thâu vô thế nào phát ra thế ấy, tự mình không được lợi ích.

Chúng ta tu phải học là lẽ đương nhiên. Song, phải nhớ học không phải để nói suông và tự mãn, học là để hành và hành cho rốt ráo. Vì vậy chúng ta càng học hiểu lý đạo thâm sâu, chúng ta càng nỗ lực thực hành cho kỳ được. Tôi hay tán thán kinh Bát-nhã ở đoạn: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.” Bồ-tát Quán Tự Tại khi hành sâu trí tuệ Bát-nhã cứu cánh, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả mọi khổ ách. Chúng ta tụng đọc hằng ngày thuộc lòng, cũng hiểu thế nào là hành thâm, dùng trí Bát-nhã tu thế nào để thấy năm uẩn là không... Chúng ta hiểu hết nhưng hành chưa thâm, nên gặp việc bất trắc bản ngã hiện nguyên hình. Vì chưa thấy sắc thọ tưởng hành thức là không, nên khổ ách vẫn còn đeo mang nặng nề.

Có nhiều vị cũng thông minh, giảng cũng lưu loát, nhưng vì hành Bát-nhã chưa thâm nên đời tu biến chuyển không lường trước nổi. Chính chỗ này mà Phật dạy chư Tỳ-kheo rằng: “Chưa chứng A-la-hán, các ông đừng tin tâm các ông.” Người khi chứng A-la-hán thì tâm hoàn toàn lặng lẽ, không còn những tạp niệm vô minh dấy khởi, trí tuệ tròn sáng. Vì trí tuệ sáng, không khởi niệm vô minh, nên không nói làm những điều bất thiện hại mình hại người. Người như thế mới dám tin tâm mình. Ngược lại thì không nên tin, vì tâm người khi nghĩ thiện, khi nghĩ ác, khi nghĩ thiện thì nói làm như Bồ-tát, lúc nghĩ ác thì hành động như phàm phu, hoặc cầm thú, đổi thay vùn vụt không lường trước được. Ngày nay mình ở hoàn cảnh này địa vị này thì sống như thế này, mai mình ở hoàn cảnh khác địa vị khác mình sống cũng khác. Nó luôn luôn thay đổi, không ở một vị trí nhất định. Hiểu như thế rồi chúng ta mới thấy tu hành phải phòng thủ tâm mình là việc thiết yếu.

Chúng ta tu muốn giải thoát khỏi sanh tử luân hồi thì tự mình phải đoạn sạch vô minh loạn tưởng. Nếu vô minh loạn tưởng nơi mình còn thì tâm sanh

tử còn, tâm sanh tử còn là còn luân hồi. Tuy nhiên, còn luân hồi nhưng nhờ có giữ giới nên sanh trong các cõi lành. Vì vậy mà quý Phật tử tu phải ráng thực hành những điều Phật dạy, thấp nhất là năm giới, khá hơn là thập thiện, cao hơn nữa thì tùy khả năng mà tu các môn thiền quán... Như vậy mới thật học thật tu và biết chọn lối đi cho mình ở mai sau. Nhờ thế mà cái khổ luân hồi sanh tử được giảm. Không thực hành như thế thì khổ bao nhiêu nhận đủ bấy nhiêu, tu mà chẳng bớt khổ chút nào! Đó là ý nghĩa đường cùng ngõ cụt mà con người chúng ta ai cũng phải đến. Song, tới đường cùng mà biết lối tẽ thì sẽ đi đến cảnh đẹp hoa thơm, vui tươi không buồn khổ. Vì thế mà các thiền sư khi đề cập tới chỗ đó các ngài nói kệ nghe rất an lạc. Một hôm vua Lý Thái Tông đến núi hỏi Thiền Lão thiền sư:

- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Ngài đáp:

Thủy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Thật là đẹp đẽ, tâm thanh tịnh ngài thấy sự vật đúng với bản chất của sự vật, trúc biếc hoa vàng không phải cảnh ở ngoài mình và lý chân thật hiển hiện ở trắng sáng, ở mây trắng ở cùng khắp. Như vậy, tu tới chỗ tâm trùm khắp mọi cảnh vật thì sẽ thoát khỏi con đường sanh tử.

Chúng ta học tu theo Phật có một hướng đi, hướng đi này dẫn chúng ta đến cảnh giới tươi sáng an vui chẳng những trong hiện tại mà cả mai sau. Để thấy người tu không phải chấp nhận cuộc sống lao nhọc thiết thòi để đi đến chỗ tuyệt vọng. Ngược lại, người tu tuy lao nhọc thiết thòi nhưng tràn trề sức sống, tràn trề hy vọng vì đã chọn một lối đi sáng sủa. Vẫn biết ngày mai mình sẽ chết song hiện tại chưa chết còn mạnh, tỉnh sáng cứ cố gắng tiếp tục đi trên con đường mà mình đã chọn, để khi bỏ thân này tiến đến chân thiện mỹ.

Con người chúng ta lẽ ra sống đến bảy tám mươi tuổi hay hơn nữa. Nhưng vì tham sân si nung nấu khiến chết sớm hơn. Thanh niên mười tám mười chín, hai mươi tuổi đi lính rồi giết nhau chết la liệt. Đời người ngắn ngủi chỉ vì tham sân si khiến đến đường cùng quá sớm! Phật và Bồ-tát thương chúng sanh là thương ở chỗ đó. Ở địa vị của một tổng thống hay thủ tướng có đầy đủ uy quyền đối với mọi người, nhưng không có quyền thoát khỏi cái ngõ cùng ấy. Ông ra lệnh cho thuộc hạ làm điều này, ra lệnh cho dân quân làm việc kia, nhưng ra lệnh mình đừng chết thì không ra lệnh được, phải đầu hàng. Điều này rất quan trọng, mọi chúng ta phải chú ý mà lo tu hành.

GIÓ VÀ PHƯỚC

Hôm nay tôi kể lại một câu chuyện, có lẽ quý Phật tử đã từng nghe rồi. Nhưng mỗi lần nghe là mỗi lần mới. Câu chuyện này xuất xứ từ kinh Pháp Bảo Đàn. Lục tổ Huệ Năng khi thấy cơ duyên hoằng pháp đã đến, ngài không trốn lánh nữa, bèn đến chùa Pháp Tánh (hiện nay là chùa Quang Hiếu) ở Quảng Châu, gặp pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết-bàn. Khi ấy có gió thổi, lá phướn động, một vị tăng nói:

- Gió động.

Vị tăng khác nói:

- Phướn động.

Bàng quan quý vị xét coi ai nói đúng? Người nói gió động, người nói phướn động, ai cũng có lý hết. Nếu không có gió thì làm sao phướn động? Vậy gió động là phải. Nhưng, nếu không có phướn làm sao biết gió thổi? Nên nói phướn động, vì phướn phát qua phát lại, chứ đâu thấy gió phát qua phát lại... nói phướn động cũng hợp lý. Như vậy ai cũng có lý hết, bởi có lý nên rắng mà cãi, người cãi qua người cãi lại. Cãi hoài không ngã lẽ, lúc đó Lục Tổ còn hình thức cư sĩ, ngài tới nói:

- Không phải gió động, không phải phướn động, tâm nhân giả động.

Cả chúng đều ngạc nhiên.

Câu chuyện được dừng ngang đây. Tôi hỏi quý Phật tử, người nói gió động, đúng; người nói phướn động cũng đúng. Quý vị xử thế nào? Về lý thì ai cũng hay hết, nhưng xét kỹ ai cũng dở cả. Vậy thì hay ở mặt nào, dở ở mặt nào? Hầu hết chúng ta lâu nay nhìn sự vật, chỉ nhìn có một mặt thôi chứ không nhìn toàn diện. Đó là cái khuyết lớn của chúng ta. Chúng ta thương ai chỉ nhìn mặt tốt của họ... Còn ghét ai thì cũng chỉ nhìn mặt xấu mà thôi. Ghét người nào thì thấy cái gì của họ cũng xấu hết; họ nói cũng xấu, cười cũng xấu, đi cũng xấu... Còn thương người nào thì cái gì cũng tốt hết; nói cũng dễ thương, cười cũng dễ thương, đi cũng dễ thương... Nếu như vậy, người mà mình ghét chẳng lẽ cái gì của họ cũng xấu hết, không có được một điều tốt? Và người mà mình thương, họ không có một lần lỗi lầm? Do chúng ta nhìn phiến diện cục bộ, nhìn với tình thức nên có thương có ghét. Người mà mình cho là tốt thì lúc nào cũng quý kính thương mến. Người mà mình cho là xấu thì lúc nào cũng sẵn sàng mạt sát chê bai. Thế nên mình thấy không toàn diện, không đúng lẽ thật. Đó là thấy về con người. Còn sự vật thì tất cả sự vật ở cõi đời này không có một mặt, không có một chiều.

Theo lý duyên sanh của Phật dạy thì vật gì sanh ra do nhiều yếu tố hợp lại chứ không có đơn thuần một cái. Chẳng hạn như có cái nhà là do cột, kèo, tránh, xiên, đòn tay, ngói, gạch, xi-măng, công thợ... hợp lại mà thành. Nếu có người hỏi tại sao có cái nhà? Phải trả lời sao? Nếu trả lời cục bộ thì nói do thợ mộc thợ hồ làm nên. Trả lời như thế cũng đúng, vì nếu không có thợ mộc thợ hồ thì đâu có xây được cái nhà. Nhưng, nói như thế là chỉ đúng một góc một cạnh thôi. Lại nếu có người khác hỏi tại sao có cái nhà? Trả lời do ông chủ mà có cái nhà. Nói như thế cũng đúng, vì nếu ông chủ không có tiền thì làm gì có cái nhà? Nhưng cũng đúng một cạnh một góc thôi. Vì vậy, đạo Phật không cho chúng ta nhìn một góc một cạnh mà phải nhìn tổng quát toàn diện. Thấy toàn diện là chúng ta thừa nhận muôn sự muôn vật ở cõi đời này là do duyên hợp, nếu do duyên hợp thì không có một mặt một bên. Tất cả quý vị hiện có mặt ở đây nhìn đời một góc một cạnh hay nhìn toàn diện? Ít có ai nhìn toàn diện, chỉ nhìn một góc một cạnh thôi, nên chúng ta sống trong bực bội, bất mãn, thương nhớ, lo lắng, sợ sệt, đủ thứ...

Câu chuyện phước và gió, nếu người này cứ cho gió động là chân lý, người kia cho phước động là chân lý. Hai người đó sẽ cãi lộn nhau, có khi đưa tới đánh lộn nữa. Cãi lộn đánh lộn nhau do đâu? Do chấp cái thấy của mình là đúng, cái thấy của người không đúng. Nhưng cái thấy của mình nếu đúng chỉ đúng một mặt, chứ không đúng toàn diện. Người này thấy mặt này đúng, người kia thấy mặt kia đúng, ai cũng chấp cái thấy của mình, không tránh khỏi đấu tranh. Vậy chúng ta phải nhìn đời như thế nào? Phải nhìn toàn diện! Nhìn toàn diện thì phải nói sao cho đúng? Tôi nhắc mãi câu này: “Phật dạy mọi người phải biết tôn trọng chân lý.” Vậy, người biết tôn trọng chân lý phải nói thế nào? Nói rằng: “Điều này tôi thấy như vậy, tôi hiểu như vậy, đó là cái thấy cái hiểu của tôi.” Nếu nói rằng: “Điều này phải thấy như tôi mới là chân lý, ai thấy khác hiểu khác là bậy.” Người nói như thế không biết tôn trọng chân lý.

Bây giờ quý Phật tử xét lại coi mình có tôn trọng chân lý không? Mọi người nếu biết tôn trọng chân lý thì trong gia đình vợ chồng, anh em... chắc không cãi lộn nhau. Người vợ thấy như thế này hiểu như thế này, nói đó là cái thấy cái hiểu của tôi. Người chồng thấy thế khác hiểu thế khác, nói đây là cái thấy cái hiểu của tôi. Chúng ta có quyền thấy hiểu khác nhau. Không có cái thấy cái hiểu của ai là chân lý cả. Tôi thấy bên nam giới đa số vấp phải cái lỗi độc tài, cho cái thấy cái hiểu của mình là chân lý, ai cãi lại là nổi giận liền. Nhất là đối với con cái, nó cãi lại là không thể chấp nhận, la rầy vì cho rằng: “Áo mặc không qua khỏi đầu.” Con cái không qua cha mẹ được, cha mẹ thấy như vậy là đúng, con cái phải nghe theo, không có quyền cãi lại. Như vậy là độc tài hay tôn trọng chân lý? Đó là cái bệnh mà đa số người mắc phải, khiến cho gia đình xào xáo, vợ chồng cha con mất hết tình thương. Vì cứ nhìn theo

thói quen của ông cha, con cái có nhìn khác một chút là không chịu, bắt nó phải nhìn đúng như cái khuôn của mình. Vợ chồng cũng vậy, vợ nhìn thế nào bắt chồng phải nhìn thế ấy, chồng nhìn thế nào cũng bắt vợ nhìn thế ấy, không có quyền nhìn khác.

Cuộc sống ở cõi đời này có nhiều mặt, mà con người cứ quen nhìn một mặt thôi. Chiếc áo mình mặc cũng có bề trái bề mặt, sự vật nào cũng có nhiều mặt, không có một mặt. Nhưng chúng ta chỉ nhìn một mặt, rồi bám chặt vào cái thấy ở mặt đó cho là đúng, sanh ra đấu tranh đau khổ. Tôi xin hỏi, quý vị có thích cởi mở để tôn trọng chân lý như Phật dạy không? - Dạ thích, nhưng làm chưa được. Phật dạy: Học đạo là phải biết tôn trọng chân lý, mà đạo là chân lý là lẽ thật. Chân lý hay lẽ thật không có một mặt hay một góc, mà toàn diện. Ở chỗ này nhìn thấy nó đúng, ở chỗ khác nhìn thấy nó cũng đúng. Ví dụ một bài toán đố, người làm cách này, đáp số cũng đúng, người làm cách khác đáp số cũng đúng. Chỗ quan trọng là đáp số đúng, không quan trọng ở cách làm, làm cách nào cũng được. Tuy cách làm có khác, nhưng đáp số đúng là được. Ví dụ có người cố chấp năm với năm là mười, nghe người khác nói sáu với bốn là mười hay bảy với ba là mười... người ấy không chịu, cãi, bắt họ phải nói năm với năm là mười. Như vậy thì quá hẹp hòi, chỉ thấy có một mặt thôi, không thấy tất cả mặt.

Người tu Phật là người phải thấy được lẽ thật, phải có cái nhìn bao quát, chứ đừng nhìn phiến diện. Muốn có cái nhìn bao quát toàn diện, chúng ta phải học thuộc lòng câu Phật dạy: “Mọi người phải biết tôn trọng chân lý.” Cái thấy cái hiểu của mình thế này thì đó là cái thấy cái hiểu của mình. Đừng nghĩ: “Thấy như tôi hiểu như tôi là chân lý, thấy hiểu khác tôi là bậy.” Nhờ nghĩ vậy, nghe người ta nói: “Tôi thấy khác hiểu khác”, không giận vì họ có quyền thấy hiểu theo họ. Tất cả mọi người trên đời này nhìn sự vật giống như nhau hay khác nhau? Mỗi người nhìn mỗi khác, không ai giống ai, người đánh giá ở mặt này, người đánh giá ở mặt khác... Chẳng hạn cùng nhìn cây mít, người này nói mít non kho ăn ngon, người kia nói mít già chín thì ngọt, ngon. Như vậy cái ngon của trái mít tùy theo sở thích của mỗi người, trái mít không tự nói ngon hay dở, mà người chấp mít non kho ăn ngon, người chấp mít để chín ăn ngon, hai người cãi lộn nhau là do không biết tôn trọng chân lý. Mít ngon hay không ngon tùy theo sở thích của mỗi người, không nên bắt người khác phải nhìn giống như mình.

Hiểu được điều đó mới thấy hai vị tăng cãi nhau về phước động và gió động chỉ là cái thấy một bên. Nếu không có gió thì phước có động không? Và nếu không có phước thì làm sao biết gió động? Như vậy phước và gió làm duyên cho nhau sanh ra hiện tượng lay động. Vạn vật hội đủ duyên thì nó sinh hoạt, sinh hoạt tùy theo duyên, lá phước có gió thì thấy nó phát phơ, cái phát

phơ đó không riêng ở phước và cũng không riêng ở gió, mà gồm cả gió và phước. Nếu nhìn đơn thuần một mặt, rồi chấp chặt vào đó thì sanh ra đấu tranh và đau khổ.

Học Phật và tu Phật mục đích là để thoát khổ. Muốn hết khổ mà cứ chấp chặt vào cái thấy phiến diện của mình, rồi cho đó là chân lý, thì có hết khổ không? Không. Ở thế gian, sống trong gia đình, người ta cứ chấp cái thấy của mình là đúng, cho nên vợ chồng cãi vã nhau, chấp ít thì la rầy, chấp nhiều thì ly dị, tất cả mọi khổ đau trong gia đình do chấp mà ra. Cha mẹ với con cái cũng vậy, cha chấp theo ý cha, mẹ chấp theo ý mẹ, con chấp theo ý con... sanh ra bất hòa cùng gây khổ cho nhau. Học Phật chính là học chân lý. Chân lý giúp cho con người bớt khổ. Nghĩa là phải biết mỗi người có một cái thấy khác nhau, mình không giống người, người cũng không giống mình, thì đừng bắt người phải thấy như mình.

Tôn trọng chân lý, trung thành với Phật là như thế, chứ không phải thấp hươg lạy Phật hoài là trung thành với Phật. Người lạy Phật nhiều, nếu con cái nói khác ý mình một chút, liền nổi giận la đánh nó, khi la đánh nó, nó cũng nổi giận nói trả lại: “Ba tu mà như thế đó!” Nghĩ con cái dám chọc mình, lại tức giận thêm... người tu như thế càng ngày càng khổ. Tu là xả bỏ những kiến chấp, vì chấp là gốc của khổ đau. Hai vị tăng cãi nhau cũng vì cái chấp. Chấp ít thì hai người cãi nhau, chấp nhiều thì tạo uy thế, tạo bè nhóm tranh nhau, chấp nhiều nữa thì cả quốc gia, cả nhân loại, bắn giết tàn sát nhau không góm tay cũng vì cái chấp.

Thông thường chúng ta cho cái nghĩ cái thấy của mình là chân lý, ai làm khác đi là kẻ xấu xa ác độc. Thế nên thấy người nào làm khác là muốn tiêu diệt họ. Vì cho rằng kẻ xấu ác cần phải bài trừ. Chúng ta vô tình cho cái thấy của mình là hay, hóa ra lại ác hại. Thế nên chúng ta học Phật cần phải nghiệm xét cho thật kỹ. Kinh A-hàm có ghi: Một hôm có một người đến hỏi một vị Tỳ-kheo:

- Thưa Tôn giả, có phải Sa-môn Cù-đàm dạy người tu thập thiện, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Người tạo thập ác, chết đọa địa ngục phải không?

Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

- Vâng, Thế Tôn dạy đúng như vậy.

Sau khi trả lời, vị Tỳ-kheo ấy thấy ái ngại trong lòng, về tinh xá trình việc đó lên đức Phật và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, con xác nhận như thế có phi báng Thế Tôn không?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy rằng:

- Ông nói như vậy là phỉ báng ta.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy như thế ông giật mình, hoang mang, thắc mắc liền hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn từng dạy: Tu thập thiện chết sanh lên cõi trời, tạo thập ác chết đọa vào địa ngục, sao bây giờ Thế Tôn lại nói như vậy?

Đức Phật mới phân tích cho thấy:

- Tu thập thiện là cái nhân sanh lên cõi trời. Nhưng nếu người tu thập thiện tới giờ phút lâm chung gặp những điều bất như ý khởi tâm bất mãn sân giận, cặn tử nghiệp của người đó ác không đủ phước sanh lên cõi trời, nên mạng chung họ không lên cõi trời mà ông khẳng định sanh lên cõi trời, hóa ra ta nói dối sao? Lại nữa nếu người đó quá khứ tạo nghiệp ác nhiều, mà hiện tại họ tu thập thiện mới năm ba năm, nghiệp ác quá khứ chưa hết, nên khi chết họ chưa đủ phước sanh lên cõi trời. Ông nói như thế không phỉ báng ta là gì? Lại nữa, tạo thập ác là cái nhân đọa địa ngục. Nhưng đối với người tuy có tạo thập ác, song, lúc gần chết họ được nghe pháp liền thức tỉnh hồi lỗi, cặn tử nghiệp họ thiện, nên nghiệp ác của họ không đủ sức mạnh dẫn vào địa ngục. Lại nữa, người mới tạo nghiệp ác khoảng năm ba năm, quá khứ họ đã tạo nghiệp lành lớn, phước của họ còn thừa. Tuy đời này họ có tạo thập ác, nhưng nghiệp ác chưa đủ sức mạnh dẫn vào địa ngục nên chết họ không sanh vào địa ngục. Nếu ông khẳng định tạo thập ác đọa địa ngục mà họ không đọa hóa ra ta nói dối, không phỉ báng ta là gì? Tu thập thiện là cái nhân sanh lên cõi trời, tạo thập ác là cái nhân đọa vào địa ngục. Được sanh lên cõi trời hay đọa vào địa ngục, còn tùy ở quá khứ nghiệp và cặn tử nghiệp của người đó tốt hay xấu nữa.

Những điều Phật giải thích cho chúng ta thấy không có cái gì nó sanh khởi đơn độc một chiều mà không có duyên trợ giúp. Phật nói nhân như thế sẽ cho kết quả như thế là nói gọn. Thường thì nhân gặp duyên hỗ trợ thì quả sẽ đổi khác. Ví dụ trồng cây bình bát lẽ ra khi có trái thì phải là trái bình bát. Nhưng trồng cây bình bát người ta cưa cây măng cầu ghép vô, khi có trái là trái măng cầu. Như vậy, nói cố định nhân nào quả nấy là ở trường hợp từ thủy tới chung không có duyên hỗ trợ. Nếu có duyên hỗ trợ thì quả không cố định. Tuy nhân đó, mà có duyên khác thì quả đổi khác, Phật nói có nhân có quả, nhưng quả không cố định tùy duyên chuyển mà quả có đổi. Nếu nói nhân quả cố định một chiều là trái với sự thật. Đó là phỉ báng Phật. Vì Phật bao giờ cũng nói đúng lẽ thật.

Nhân quả của đạo Phật thông cả ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai và luôn luôn chuyển biến theo duyên. Ngày nay làm lành đó là gieo nhân tốt, nếu nhân tốt đó được nuôi mãi cho tới ngày nhắm mắt thì quả sẽ tốt như nhân đã gieo. Nếu đã tạo nhân tốt rồi, sau lại tạo duyên xấu thì nhân tốt ngày trước không

kết tụ quả tốt trọn vẹn. Thế nên nói tới lý nhân quả đừng khẳng định tạo nhân thế này quả phải như thế này, tạo nhân thế kia thì quả phải như thế kia, mà nói linh động theo duyên.

Trở lại câu chuyện gió phướn ở trước. Sở dĩ hai vị tăng cãi nhau là do chấp mà ra, vị này chấp cái thấy của vị này là đúng, vị kia chấp cái thấy của vị kia là đúng nên cãi nhau. Hễ cãi nhau thì không phải là chân lý, chỉ sanh ra đấu tranh hiềm thù. Hiện tại có nhiều chuyện đâu đâu, người ta không nắm vững vấn đề mà ngồi cãi nhau om sòm mất thì giờ tốn hơi sức vô ích. Thế nên chúng ta phải có cái thấy hiểu chân chánh, cái gì không có bằng cứ cụ thể chắc chắn thì đừng cãi, nên cởi mở đừng bắt người ta phải nghe theo mình. Đó là cái duyên giúp chúng ta tu không chướng ngại. Nếu cứ cố chấp theo ý riêng của mình thì tu bị chướng ghê lắm. Nhất là quý bà hay than: “Tôi tu sao bị nghiệp khảo quá!” Quý vị có biết nghiệp khảo gốc từ đâu không? Gốc từ cố chấp mà ra, quý bà đi chùa nghe quý thầy nói: “Tụng kinh nhiều có phước, niệm Phật nhiều có phước, đi chùa nhiều có phước, cúng chùa nhiều có phước...” Do tham chấp phước nên quý bà dốc hết công của để được phước; ngày nào cũng bỏ nhà vô chùa để tụng kinh, công quả, có bao nhiêu tiền cũng đem vô chùa cúng hết. Ở nhà chồng đi làm, việc nhà không người trông nom, con cái không người săn sóc dạy dỗ, tiền bạc thiếu trước hụt sau, nên chồng con bực bội, trách cứ thì nói: “Nghiệp khảo tôi đó! Tôi tu mà cứ bị nghiệp làm chướng ngại hoài nên tu không được.” Tôi xin hỏi: “Tu mà bị chướng như thế là do tại nghiệp, hay tại mình làm không đúng?” Tại mình tham chấp quá! Hồi chưa biết tu thì tham tiền của, tham danh vọng... Khi bắt đầu tu thì tham phước nhiều. Do tham phước nhiều, nên cảnh gia đình đang túng thiếu, đáng lý phải phụ giúp chồng lo việc nhà, săn sóc con, mà không làm. Cứ nghĩ tới cái phước ngày mai, quên đi bốn phận hiện tại là làm vợ làm mẹ trong gia đình. Nên bị chồng con cắn đắng, rồi nói: “Tôi tu bị nghiệp khảo!” Vậy nghiệp nào khảo? Sở dĩ quý bà tu bị rối rắm là do nhìn có một chiều rồi chấp chặt vào đó, nên dẫn tới chỗ sai lầm, do tu sai lầm nên không được lợi ích.

Ở trước hai vị tăng người nói gió động, người nói phướn động, Lục Tổ nói tâm người động là ngài đã phủ nhận cả hai bên, không phải gió động cũng không phải phướn động. Và ngài cũng không nói chung là gió duyên phướn, phướn duyên gió nên lay động. Ngài nói như thế có duy tâm quá đáng không? Thật ra thì gió vận hành, phướn phát phơ, cả gió lẫn phướn không tự nói động hay không động, mà do tâm người dao động, rồi chấp vào tướng trạng của gió và phướn, sanh cãi nhau. Nên ngài nói: “Tâm nhân giả động.” Nếu tâm hai vị tăng không dao động, gió vận hành mặc gió, phướn phát phơ mặc phướn, hai vị cùng thấy rõ ràng, cười thôi, đâu có cãi nhau! Do tâm khởi phân biệt chấp trước nên mới cãi.

Vậy, mọi sự vật trên đời này chuyển biến tốt hay xấu là do tâm chấp hay không chấp của con người mà ra. Nếu người cố chấp thì sẽ bị khó khăn phiền não, nếu người cởi mở thì mọi việc hanh thông tốt đẹp. Khó chướng, không phải ở ngoại vật, mà ở tại tâm người quá câu nệ chấp trước. Chúng ta đã biết như thế thì tôi mong quý vị không nên trách ai hết, mà phải xét lại tâm mình mỗi khi gặp chướng ngại, để tiến trên đường tu và được lợi ích.